



CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

Địa chỉ : 55 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh

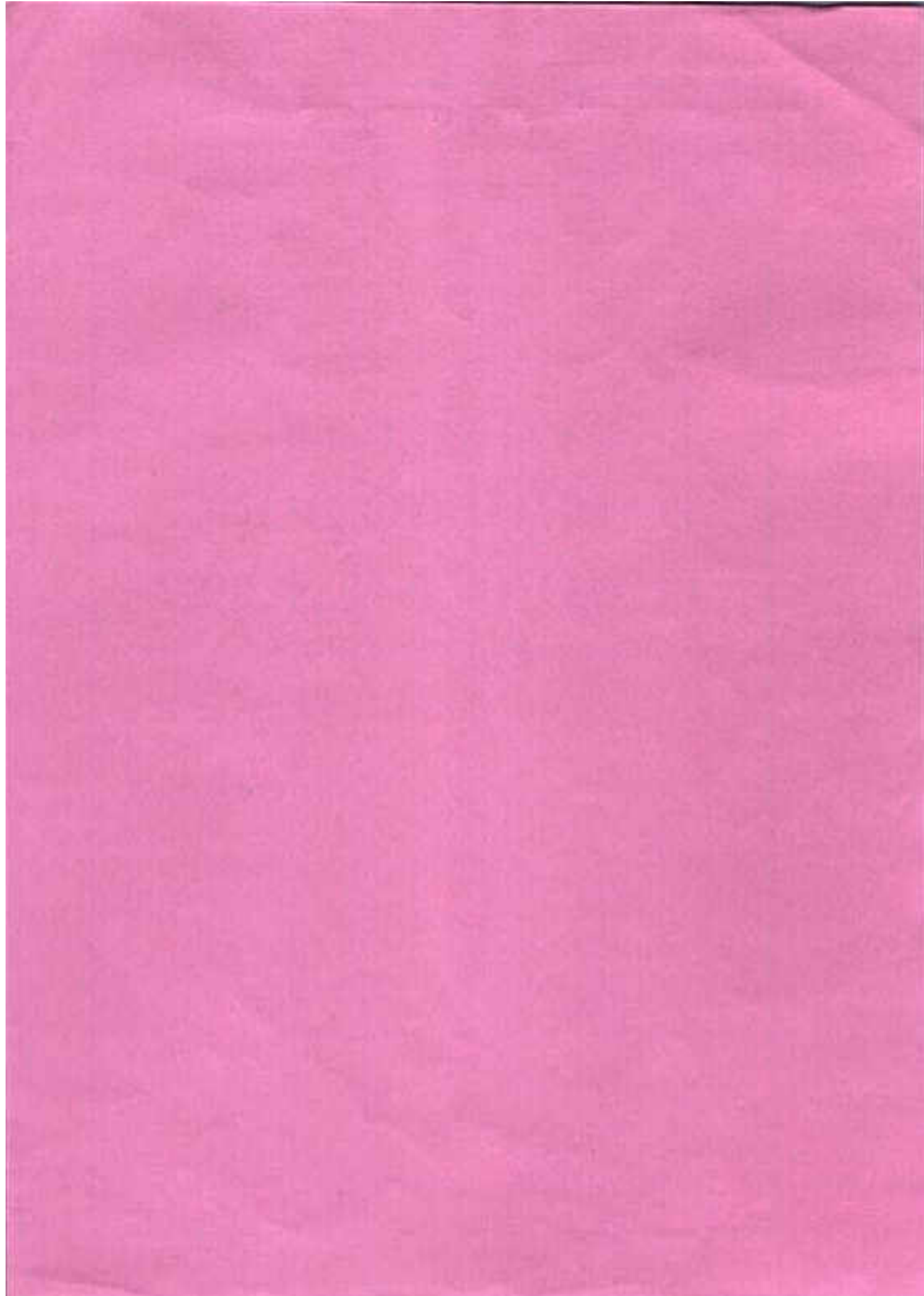
Điện thoại : (028) 38 297 147 – Fax : (028) 38 229 778

E-mail : capnucbenhthanh@vnn.vn Website : www.capnucbenhthanh.com

TÀI LIỆU (2) ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2022

(Quý cổ đông vui lòng mang theo tài liệu này khi tham dự Đại hội)

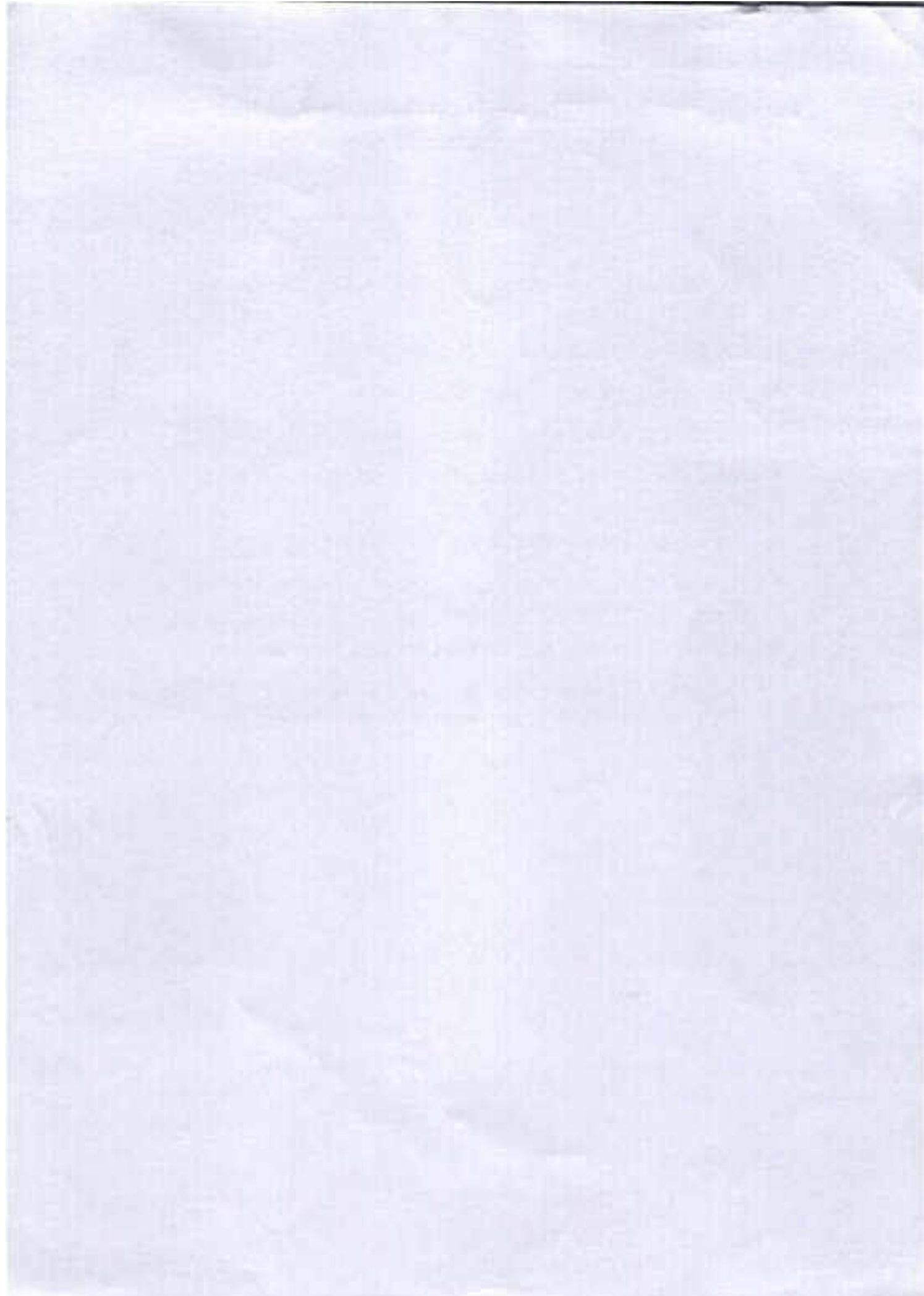
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022



DANH MỤC TÀI LIỆU (2)
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

Số TT	Danh mục tài liệu	Trang
1.	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty.	01
2.	Dự thảo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty	02
3.	Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động	24
4.	Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty	89
5.	Bảng tổng hợp sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty	106
6.	Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty	137
7.	Tờ trình về việc phê duyệt ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (sửa đổi, bổ sung).	150
8.	Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty	151

Tài liệu họp Đại hội được đăng tải trên website Công ty tại địa chỉ: www.capnuocbenthanh.com (mục "Công bố thông tin" chọn "Đại hội cổ đông thường niên").



Số: 04 /TT-CNBT-HDQT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH**Về việc sửa đổi bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế quản trị của Công ty theo các quy định hiện hành**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Điều lệ Tổ chức và hoạt động, các Quy chế quản trị hiện hành của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội cổ đông thông qua ngày 28/5/2020, trên cơ sở tuân thủ quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2014, Luật Chứng khoán năm 2006, Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán năm 2010 và quy định về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 71/2017/NĐ-CP, Thông tư 95/2017/TT-BTC và điều kiện thực tế của đơn vị.

Tuy nhiên, thời gian vừa qua các cơ quan quản lý đã ban hành một số văn bản pháp lý quan trọng điều chỉnh một số quy định về quản trị đối với các công ty đại chúng như Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực ngày 01/01/2021;

Ngày 31/12/2020, Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng ban hành Thông tư số 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán có hiệu lực ngày 15/02/2021, thay thế Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 6/6/2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.

Ngày 11/01/2022, Quốc hội đã ban hành Luật số 03/2022/QH15 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đầu tư công, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Đầu tư, Luật Nhà ở, Luật Đấu thầu, Luật Điện lực, Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật Thi hành án dân sự, có hiệu lực kể từ ngày 01/3/2022.

Tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ghi nhận Công ty triển khai thực hiện đồng bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành trong thời gian chờ xây dựng các nội dung sửa đổi, bổ sung để sớm trình tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Do vậy, để tuân thủ và đáp ứng các quy định pháp luật hiện hành, tại phiên họp thứ 16 (Nhiệm kỳ 2017 – 2022) vào ngày 16/3/2022, Hội đồng quản trị Công ty thống nhất kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua những nội dung dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của

HDQT Công ty để trình Đại hội đồng cổ đông (đính kèm). Quá trình soạn thảo dự thảo nội dung nói trên cũng được Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thực hiện dịch vụ tư vấn nhằm đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trên tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước.

Đối với Quy chế công bố thông tin của Công ty, ngày 23/3/2022, Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành Nghị quyết thông qua việc ban hành Quy chế công bố thông tin phù hợp theo quy định.

Căn cứ các quy định pháp luật hiện hành, thì việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của HDQT Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định nên Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt:

1. Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
2. Thông qua việc ban hành Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sửa đổi, bổ sung).
3. Thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành .

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông./.

Hồ sơ đính kèm: Toàn văn dự thảo sửa đổi, bổ sung Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành và các bảng tổng hợp nội dung sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thành viên HDQT Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Lưu: VT, HDQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phạm Thị Thanh Vân

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH



**ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 4 năm 2022

MỤC LỤC

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	4
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	7
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	7
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐỒNG SÁNG LẬP	7
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đồng sáng lập.....	7
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu.....	8
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	8
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần.....	9
Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	9
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	9
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	9
CHƯƠNG VI. CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG	10
Điều 12. Quyền của cổ đồng.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đồng.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đồng.....	12
Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đồng	13
Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đồng	15
Điều 17. Thay đổi các quyền	16
Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đồng	16
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đồng	18
Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng	18
Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng được thông qua	20
Điều 22. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đồng bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đồng.....	20
Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng.....	22

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	23
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	23
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	23
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	24
Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	27
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	27
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	28
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	30
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty	30
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	31
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	31
Điều 34. Người điều hành Công ty	31
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	31
CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT	32
Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)	32
Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát	33
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	33
Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	34
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	34
Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát	35
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	35
Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	35
Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	36
CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	37
Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	37
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN	37
Điều 45. Công nhân viên và công đoàn	37
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	38
Điều 46. Phân phối lợi nhuận	38
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN	39
Điều 47. Tài khoản ngân hàng	39

Điều 48. Năm tài chính	39
Điều 49. Chế độ kế toán.....	39
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	40
Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý.....	40
Điều 51. Báo cáo thường niên.....	40
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	40
Điều 52. Kiểm toán	40
CHƯƠNG XVII. DẤU CỦA DOANH NGHIỆP.....	40
Điều 53. Dấu của doanh nghiệp.....	40
CHƯƠNG XVIII. GIẢI THẾ CÔNG TY.....	41
Điều 54. Giải thế công ty	41
Điều 55. Thanh lý.....	41
CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ.....	42
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	42
CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ.....	42
Điều 57. Điều lệ công ty	42
CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC.....	42
Điều 58. Ngày hiệu lực	42

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số ngày 21 tháng 4 năm 2022.

CHƯƠNG I

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Vốn điều lệ* là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b) *Vốn có quyền biểu quyết* là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c) *Luật Doanh nghiệp* là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - d) *Luật Chứng khoán* là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - đ) *Việt Nam* là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - e) *Ngày thành lập* là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;
 - g) *Người điều hành doanh nghiệp* là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;
 - h) *Người quản lý doanh nghiệp* là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;
 - i) *Người có liên quan* là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể:

Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý;
 - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;
 - Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- k) *Cổ đông* là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- l) *Cổ đông sáng lập* là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty;
- m) *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành;
- n) *Thời hạn hoạt động* là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này;
- o) *Sở giao dịch chứng khoán* là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;
- p) *Đại hội trực tuyến* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp;
- q) *Đại hội truyền thống* là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm p khoản này.
- r) *Công ty* là Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.
3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II

TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, ĐỊA ĐIỂM KINH DOANH, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
- Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**
 - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **BEN THANH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY**
 - Tên Công ty viết tắt: **BEN THANH WASUCO JSC**

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**
- 2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.
- 3. Trụ sở đăng ký của Công ty:
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM
 - Điện thoại: (028) 3829 7147
 - Fax: (028) 3822 9778
 - E-mail: capnuocbenthanh@vnn.vn
 - Website: www.capnuocbenthanh.com
- 4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
- 5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 54, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- 1. Công ty có một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.
- 2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:
 - a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty.
 - b) Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
 - c) Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.
 - d) Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.
 - đ) Ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý, điều hành theo thẩm quyền.
 - e) Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty, nhưng người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời, những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.
 - g) Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.
 - h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy định nội bộ Công ty.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

- a) Quản lý, phát triển hệ thống cấp nước, cung ứng, kinh doanh nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng và sản xuất;
- b) Tư vấn xây dựng các công trình cấp nước, công trình dân dụng - công nghiệp;
- c) Xây dựng công trình cấp nước;
- d) Tái lập mặt đường đối với các công trình chuyên ngành cấp nước và các công trình khác;
- đ) Thiết kế xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- e) Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- g) Lập dự án, quản lý dự án các công trình cấp, thoát nước và các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị;
- h) Giám sát thi công xây dựng công trình cấp - thoát nước;
- i) Khảo sát địa hình xây dựng công trình;
- k) Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường ngành cấp nước; vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng;
- l) Kinh doanh bất động sản;
- m) Cho thuê xe có động cơ; máy móc, thiết bị xây dựng.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu trong hoạt động cung cấp nước sạch; mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc; tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 93.600.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng).

Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 9.360.000 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

2. Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.
6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.
7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.
8. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty tối đa là 25% vốn điều lệ.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty, cổ phiếu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:
 - a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
 - b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 07 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cập trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.
3. Giám đốc.

CHƯƠNG VI CỔ ĐỒNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐỒNG

Điều 12. Quyền của cổ đồng

1. Cổ đồng phổ thông có các quyền sau:

- a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đồng và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
- b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đồng;
- c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đồng trong Công ty;
- d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;
- đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đồng có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;
- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đồng và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đồng;
- g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;
- h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;
- i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đồng sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đồng thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đồng;
- k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
- l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đồng, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- m) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

2. Cổ đồng hoặc nhóm cổ đồng sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đồng theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

- hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
 - đ) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định sau:
- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty.
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ứng cử hoặc đề cử người vào Ban kiểm soát của Công ty.
 - c) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác (kể cả ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử.
7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dời mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
- a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại thông báo triệu tập Đại hội.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm

toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

- a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;
- b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

- d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - q) Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.
2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.
 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện từ hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.
3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.
4. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông

- có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - đ) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - e) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
 - b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;
 - c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy

định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:
 - a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;
 - b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:
 - a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
 - d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp dự họp theo hình thức truyền thống;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.
- Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.
6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.
10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
11. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức truyền thống và trực tuyến, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:
 - a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
 - d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng

cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thể thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này; hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp này, việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có);
- d) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng

kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- đ) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
 3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
 4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội

đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:
- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.
3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định sau đây:
- a) Có trình độ đại học;
 - b) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là 07 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp

tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:

- a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây:
- a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;
 - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
 - b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
5. Việc bỏ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhận đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.

Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;
 - e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trừ lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và những người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này;
 - m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

- p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty;
 - s) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.
5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khả năng trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
 - c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Trường hợp khác do Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.
Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.
Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.
9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty, có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty

1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.
2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.
4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng

quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

- a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
- b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
- c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hòa thông tin và thủ tục hành chính;
- d) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VIII

GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.
2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.
4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)

1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây:

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 37. Thành phần Ban Kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và quy định sau:
 - a) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
 - c) Có trình độ Đại học;
 - d) Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
 - e) Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
 - f) Tiêu chuẩn khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có).
3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - b) Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;
 - c) Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;
 - d) Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ Kiểm soát viên;
 - e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.
4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
 - d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát:

- a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
- b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
- c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.
4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:
 - a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;
 - b) Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.
3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuê luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG XI

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.
2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

CHƯƠNG XII

CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 45. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XIII PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 46. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cụ thể:
 - a. Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và bù lỗ năm trước theo quy định pháp luật, sẽ được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định từng năm.
 - b. Thứ tự phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:
 - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.
 - Lợi nhuận sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp được tiếp tục phân phối:^(*)
 - Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có);
 - Bù đắp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định;
 - Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp;
 - Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý Công ty^(**);
 - Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho cổ đông theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về

^{*} Theo Nghị định 140/2020/NĐ-CP ngày 30/11/2020 (các nội dung có liên quan đến Nghị định 140/2020/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).

^{**} Thực hiện theo Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 11/06/2016 (các nội dung có liên quan đến Khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).

khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết/đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIV

TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 47. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 48. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 49. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

CHƯƠNG XV

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 51. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XVI

KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 52. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

CHƯƠNG XVII

DẤU CỦA DOANH NGHIỆP

Điều 53. Dấu của doanh nghiệp

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.
2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).
3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Công ty có 01 con dấu chính thức là dấu tròn, màu đỏ; nội dung bao gồm tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở (chi ghi cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc và thành phố Hồ Chí Minh); chính giữa con dấu

là tên doanh nghiệp; vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính; thẩm quyền quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.

4. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVIII GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 54. Giải thể công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:
 - a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a) Các chi phí thanh lý;
 - b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c) Nợ thuế;
 - d) Các khoản nợ khác của Công ty;
 - d) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XIX GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hoà giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

CHƯƠNG XX BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXI NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nhất trí thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2022 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

NGUYỄN ĐOÀN XÃ

CHỮ KÝ CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

PHẠM THỊ THANH VÂN

NGUYỄN THANH TÙNG

NGUYỄN ĐOÀN XÃ

TẠ CHƯƠNG LÂM

NGUYỄN THỊ BẢO CHÂU

HUỲNH ĐỨC THÀNH

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG**

CỦA

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Phân mở đầu	Điều lệ này được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 28 tháng 5 năm 2020.	Điều lệ này được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông số... ngày... tháng... năm 2022.	DN cập nhật phù hợp thực tế thông qua.
CHƯƠNG I.	CHƯƠNG I. GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ	Sửa đổi phù hợp Mục 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán ("TT 116/2020/TT-BTC")

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 Điều lệ này;	1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau: a. <i>Vốn điều lệ</i> là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 112 Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("LDN 2020"); sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
	Chưa có.	b. <i>Vốn cổ phiếu</i> là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu cổ quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;	<i>Bổ sung phù hợp Điểm b khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;	c. <i>Luật Doanh nghiệp</i> là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;	<i>Sửa đổi phù hợp thông tin LDN 2020.</i>
	Chưa có.	d. <i>Luật Chứng khoán</i> là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;	<i>Chuyển lên từ điểm j Điều lệ cũ và sửa đổi phù hợp thông tin Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 ("LCK 2019").</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	d. Việt Nam là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;	Chuyển lên từ điểm g phù hợp điểm d Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	c. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;	e. Ngày thành lập là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các giấy tờ có giá trị tương đương) lần đầu;	Bổ sung phù hợp điểm e Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	d. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	g. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;	Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và dự thảo Điều lệ công ty.
	Chưa có.	h. Người quản lý doanh nghiệp là người quản lý Công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Phó Giám đốc và Kế toán trưởng;	Bổ sung phù hợp điểm h khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	g. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;	l. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán, cụ thể;	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LCK 2019 và khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây</p> <ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó; quỹ đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng và người nội bộ của quỹ đại chúng hoặc công ty đầu tư chứng khoán đại chúng đó; - Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó; - Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát; - Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó; - Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và các quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán do công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán đó quản lý; - Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia; 	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	
	Chưa có.	k. Cổ đông là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty.	Bổ sung phù hợp Điểm k khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	l. Cổ đông sáng lập là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập Công ty.	Bổ sung phù hợp Điểm l khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	m. Cổ đông lớn là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành.	Chuyển lên từ điểm 1 khoản này Điều lệ cũ và sửa đổi phù hợp hướng dẫn tại khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty và khoản 18 Điều 4 LCK 2019.
	g. "Việt Nam" là nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.	Hủy bỏ.	Đã chuyển lên quy định tại điểm đ.
	Chưa có.	o. Sở giao dịch chứng khoán là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con.	Bổ sung phù hợp điểm o khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	p. <i>Đại hội trực tuyến</i> là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức thông qua áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin hiện đại để truyền tải âm thanh và/hoặc hình ảnh Đại hội, cho phép các cổ đông ở các địa điểm khác nhau có thể tham dự, theo dõi, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp.	Bổ sung quy định về <i>ĐHĐCĐ trực tuyến</i> .
	Chưa có.	q. <i>Đại hội truyền thống</i> là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo đó các cổ đông tham dự trực tiếp, thảo luận và biểu quyết các vấn đề của cuộc họp tại một địa điểm nhất định mà không phải hình thức trực tuyến quy định tại điểm p khoản này.	Bổ sung quy định về <i>ĐHĐCĐ trực tuyến</i> .
	l. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;	Hủy bỏ.	Đã chuyển lên quy định tại điểm m.
	j. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế (nếu có).	Hủy bỏ.	Đã chuyển lên quy định tại điểm d.
	2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.	2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.	Khoản 2 Điều 1 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
CHƯƠNG II	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN	CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, <u>ĐIA ĐIỂM KINH DOANH</u> , THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN	Bổ sung phù hợp Mục II Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY	116/2020/TT-BTC.
Điều 2.	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, <u>địa điểm kinh doanh</u> và thời hạn hoạt động của Công ty	<i>Bổ sung tiêu đề phù hợp Điều 2 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<p>1. Tên Công ty</p> <p>a. Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH</p> <p>b. Tên tiếng Anh: BEN THANH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY</p> <p>c. Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH</p> <p>d. Tên viết tắt: BEN THANH WASUCO JSC</p>	<p>1. Tên Công ty</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH - Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BEN THANH WATER SUPPLY JOINT STOCK COMPANY - Tên Công ty viết tắt: BEN THANH WASUCO JSC - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH 	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 2 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và cập nhật thông tin DN.</i>
	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:</p> <p>a. Địa chỉ: Số 194 Pasteur, Phường 6, Quận 3, TP. HCM</p> <p>b. Điện thoại: (028) 3829 7147</p> <p>c. Fax: (028) 3822 9778</p> <p>d. Website: www.capnuocbenthanh.com</p> <p>e. Email: capnuocbenthanh@vnn.vn</p>	<p>3. Trụ sở đăng ký của Công ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa chỉ trụ sở chính: Số 194 Pasteur, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. HCM - Điện thoại: (028) 3829 7147 - Fax: (028) 3822 9778 - E-mail: capnuocbenthanh@vnn.vn - Website: www.capnuocbenthanh.com 	
	4. Giám đốc điều hành là đại diện theo pháp luật của Công ty. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo quy định pháp luật và Quy	Hủy bỏ.	<i>Chuyển xuống quy định tại Điều 3 dự thảo Điều lệ.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	chế quản trị nội bộ, quy định nội bộ của Công ty.		
	6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 Điều 51, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.	5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn quy định tại khoản 2 Điều 53, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.
	Chưa có.	<p>Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</p> <p>1. Công ty một người đại diện theo pháp luật là Giám đốc.</p> <p>2. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật như sau:</p> <p>a) Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty.</p> <p>b) Đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>c) Ký kết các hợp đồng, văn bản, báo cáo, chứng từ của Công ty với tư cách là người đại diện theo pháp luật.</p> <p>d) Thuê mướn, tuyển dụng, điều động, ký kết hoặc chấm dứt hợp đồng lao động với người lao động trong Công ty theo quy định của Pháp luật về lao động.</p> <p>đ) Ban hành các quy chế phục vụ cho công tác quản lý, điều hành theo thẩm quyền.</p> <p>e) Ủy quyền cho người khác thay mặt mình giải quyết một số công việc của Công ty.</p>	Bổ sung phù hợp quy định tại điểm g khoản 2 Điều 24 LDN 2020; Điều 3 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>những người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm pháp lý về việc ủy quyền này. Đồng thời, những người được ủy quyền phải chịu trách nhiệm trước người đại diện theo pháp luật và trước pháp luật về các công việc được ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được thực hiện nhiệm vụ trong phạm vi được ủy quyền. Văn bản ủy quyền phải quy định rõ nội dung và thời hạn hiệu lực của việc ủy quyền.</p> <p>g) Quản lý con dấu theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>h) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật. Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy định nội bộ Công ty.</p>	
Điều 3.	<p>Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:</p> <p>...</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <p>Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu; cung cấp nước sạch. Đồng thời mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc; tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:</p> <p>...</p> <p>2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:</p> <p>Công ty xây dựng và giữ vững thương hiệu trong hoạt động cung cấp nước sạch; mở rộng và phát triển đồng bộ các lĩnh vực hoạt động khác mà Công ty đang có ưu thế, tạo nền tảng phát triển một cách ổn định, lâu dài và vững chắc; tối đa hóa lợi nhuận, đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các cổ đông, làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 2 Điều 24 LDN 2020.</i></p> <p><i>Sửa đổi theo ý kiến DN.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 4.	Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động	Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	
	<p>1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.</p> <p>2. Công ty kinh doanh những ngành nghề được Đại hội đồng cổ đông thông qua mà pháp luật không cấm.</p>	<p>Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố trên công thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật đầu tư, pháp luật chuyên ngành liên quan.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 5 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.
Điều 5.	Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	
	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 93.600.000.000 đồng (Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng).</p>	<p>1. Vốn điều lệ của Công ty là 93.600.000.000 đồng (bằng chữ: Chín mươi ba tỷ sáu trăm triệu đồng).</p>	Bổ sung phù hợp Điều 6 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 11, Điều 12 Điều lệ này.</p>	<p>3. Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này bao gồm cổ phần phổ thông và không có cổ phần ưu đãi. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.</p>	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.
<p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	<p>5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các thông tin khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 124 LDN 2020, Khoản 5 Điều 6 Điều lệ mẫu TT	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. <u>Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.</u></p>	<p>Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. <u>Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có chấp thuận khác.</u></p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. <u>Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.</u></p>	<p>6. Công ty có thể mua cổ phần do chính Công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành.</p>	<p>Theo quy định tại khoản 5 Điều 36 LCK 2019, khoản 2 Điều 134 LDN 2020, công ty đại chúng sau khi mua lại cổ phần theo các quy định này phải thực hiện giảm vốn điều lệ, không còn cổ phiếu quỹ như hiện nay.</p> <p>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 6 Điều lệ mẫu TT</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			116/2020/TT-BTC.
	8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.	7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 6 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	9. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty tối đa là 25%	8. Tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty tối đa là 25%	<p>Chỉ nhận theo Khoản 9 Điều 5 Điều lệ cũ.</p> <p>Đồng thời, theo quy định tại điểm e Khoản 1 Điều 139 Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán như sau:</p> <p>"Trường hợp công ty đại chúng quyết định tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa thấp hơn tỷ lệ quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 1 Điều này thì tỷ lệ cụ thể phải</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>được Đại hội đồng cổ đông thông qua và quy định tại Điều lệ công ty”.</i>
Điều 6.	Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu	Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	
	2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty, theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.	2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của Công ty, cổ phiếu bao gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 7 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.</i>
	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	3. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 7 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị lấy xé hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sử	4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 121 LDN 2020, Khoản 4 Điều 7 Điều lệ mẫu TT</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.</u>	a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác; b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.	116/2020/TT-BTC.
Điều 8.	Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần	Điều 2. Chuyển nhượng cổ phần	Các khoản tại Điều này được sửa đổi phù hợp Điều 9 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi liên quan theo quy định pháp luật.	1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác, cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. 2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.	
Điều 9	Điều 9. Thu hồi cổ phần	Điều 10. Thu hồi cổ phần (đối với trường hợp khi đăng ký thành lập doanh nghiệp)	Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không	1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả để mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại và chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	thanh toán đầy đủ <u>gây ra cho Công ty.</u>	ty phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ.	
	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 112 Luật Doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.	Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan công với tiền lãi theo tỷ lệ không quá 1,5 lần lãi suất huy động của một ngân hàng do Công ty mở tài khoản, vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị và đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải phải chịu trách nhiệm tương ứng với tổng mệnh giá cổ phần đã đăng ký mua đối với nghĩa vụ tài chính của Công ty phát sinh vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.	Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 10 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 10.	Điều 10. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	
	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông; 2. Hội đồng quản trị; 3. Ban kiểm soát;	Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: 1. Đại hội đồng cổ đông. 2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. 3. Giám đốc.	Thay đổi chức danh "Giám đốc điều hành" sang chức danh "Giám đốc" theo ý kiến của Tổng công ty.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	4. Giám đốc điều hành.		
Điều 11.	Điều 11. Quyền của cổ đông	Điều 12. Quyền của cổ đông	
	1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;	1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau: a. Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;	Chuyển xuống quy định tại điểm d.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới phát hành tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;	c. Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;	<i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 1 Điều 115 LDN 2020.</i>
	Chưa có.	d. Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;	<i>Chuyển xuống từ điểm c (cũ) và sửa đổi phù hợp điểm d khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			116/2020/TT-BTC.
	d. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác; tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông dù tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông;	d. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình.	Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;	g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;	Sửa đổi phù hợp điểm e khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ cho chủ nợ (bao gồm các nghĩa vụ nợ đối với Nhà nước, thuế, phí và thanh toán cho cổ đông nắm giữ các cổ phần ưu đãi khác của Công ty theo quy định của pháp luật;	g. Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;	Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;	h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LIX 2020.
	Chưa có.	i. Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội	Bổ sung phù hợp điểm i, k, l khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>đồng cổ đồng thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;</p> <p>k. Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;</p> <p>l. Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p>	
	<p>l. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>m. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p> <p>Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm m khoản 1 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định dự phòng đối với loại cổ phần khác (nếu có).</p>
	<p>1. Đề cử hoặc ứng cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo các quy định sau đây:</p> <p>a. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty.</p> <p>b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% trở lên số cổ phần của Công ty trong thời hạn liên tục ít nhất 6 tháng được ứng cử hoặc đề cử người vào Ban kiểm soát của Công ty.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 3 dự thảo Điều này.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên có các quyền sau:	2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 115 LDN 2020, khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;	a. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.
	b. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;	b. Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hàng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;	Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả	c. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công	Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;	
	Chưa có.	d. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.	Sửa đổi phù hợp điểm d khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	đ. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.	đ. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 2 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	<p>3. Đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát theo quy định sau:</p> <p>a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ứng cử hoặc đề cử người vào Hội đồng quản trị của Công ty.</p> <p>b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên được ứng cử hoặc đề cử người vào Ban kiểm soát của Công ty.</p> <p>c) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp</p>	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 12 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông; đ) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này.	
Điều 12.	Điều 12. Nghĩa vụ của cổ đông	Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	
	Cổ đông có các nghĩa vụ sau:	Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:	
	Chưa có.	1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.	Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	2. Không được rút vốn đã góp bằng số phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp cổ cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	1. Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty. 4. Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp khoản 3, 4 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 119 LDN 2020, khoản 5 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa theo trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác, gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.	<p>6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:</p> <p>a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác (kể cả ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị) tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;</p> <p>c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>Trường hợp thực hiện biểu quyết theo hình thức này, cổ đông công nhận các kết quả đăng ký dự họp, kết quả bỏ phiếu đã thực hiện và có trách nhiệm tuân thủ các nghĩa vụ liên quan đến việc dự họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ và các quy định khác có liên quan (nếu có).</p> <p>d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Khoản 6 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung cơ sở quy định về DHDĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		d) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ, quy chế bầu cử.	
	3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.	Chuyển lên quy định tại khoản 1.	
	4. Cung cấp thông tin đầy đủ và chính xác khi đăng ký mua cổ phần.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.	Chuyển xuống quy định tại khoản 8.	
	6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: — c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.	2. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: — c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	8. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Các nghĩa vụ khác đối với các loại cổ phần khác (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.	Bổ sung phù hợp khoản 8 Điều 13 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC. Bổ sung dự phòng quy định đối với các loại cổ phần khác (nếu có).
Điều 13.	Điều 13. Đại hội đồng cổ đông	Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.</p> <p>Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội trực tiếp hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông báo cho cổ đông tại thông báo triệu tập Đại hội.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>
	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm</p>	<p>2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, các kiểm toán viên độc lập có thể được mời tham dự đại hội để giải thích các nội dung liên quan.</p>	<p>ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.</p>	
	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính quý, sáu tháng hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;</p> <p>c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc bị giảm quá một phần ba so với số thành viên quy định trong Điều lệ;</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;</p> <p>c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>c. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>l. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	<p>d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;</p> <p>d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và văn bản khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị, hoặc Kiểm soát viên còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều này;</p>	<p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm g và điểm d khoản 3 Điều này;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.</p> <p>Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>d. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 4 Điều 14 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Điều 14.</p>	<p><u>Điều 14. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 15 Điều lệ mẫu TT</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>a. Thông qua định hướng phát triển của Công ty;</p> <p>b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;</p> <p>e. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm;</p> <p>g. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>h. Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;</p> <p>i. Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>k. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p> <p>Lưu ý: Đối với nội dung về quyết định mua lại cổ phần tại điểm g: Điều lệ mẫu quy định ĐHĐCĐ chỉ quyết định mua lại trên 10% tổng số CP đã bán mỗi loại, dưới mức này sẽ do HĐQT quyết định. Tuy nhiên, đối với công ty đại chúng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 LCK 2019, việc mua lại CP của công ty phải tuân được ĐHĐCĐ thông qua, trừ một số trường hợp được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 (mua lại CP của người lao động, mua lại CP theo yêu cầu của CĐ). Do đó, DAS điều chỉnh nội dung điều lệ</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>l. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>m. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;</p> <p>n. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.</p>	<p>mẫu như dự thảo để đảm bảo phù hợp với công ty đại chúng, tránh sai sót cho quá trình thực hiện.</p>
	<p>L. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>g. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.</p>	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:</p> <p>a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;</p> <p>c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc;</p> <p>đ. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>Các nội dung tại khoản này được bổ sung, sửa đổi, hủy bỏ phù hợp khoản 2 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Điều 36 LCK 2019.</p> <p>Lưu ý: Đối với nội dung về quyết định mua lại cổ phần tại điểm g (mới): Điều lệ mẫu quy định DHDĐ chỉ quyết định mua lại trên 10% tổng số CP đã bán mỗi loại, dưới mức này sẽ do HĐQT quyết định. Tuy nhiên, đối với</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:</p> <p>a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Mức cổ tức thanh toán bằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>d. Lựa chọn công ty kiểm toán;</p> <p>đ. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;</p> <p>e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>Chưa có.</p> <p>g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;</p> <p>h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm k.</p> <p>h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>i. Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;</p> <p>k. Đề duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận, quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;</p> <p>l. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;</p> <p>m. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;</p> <p>n. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p>	<p><i>công ty đại chúng, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 36 LCK 2019, việc mua lại CP của công ty phát hành được DHDĐ thông qua, trừ một số trường hợp được liệt kê tại khoản 2 Điều 36 (mua lại CP của người lao động, mua lại CP theo yêu cầu của cổ đông). Do đó, DAS điều chỉnh nội dung điều lệ mẫu như dự thảo để đảm bảo phù hợp với công ty đại chúng, tránh sai sót cho quá trình thực hiện.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;</p> <p>k. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;</p> <p>m. Quyết định giao dịch, đầu tư hoặc bán số tài sản giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>n. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;</p> <p>o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>g. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>q. Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của mỗi loại, trừ trường hợp pháp luật không bắt buộc phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;</p> <p>s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;</p> <p>t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.	
	<p>3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 2 này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;</p> <p>b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định pháp luật.</p>	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.	3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 15 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 15.	Điều 15. Các đại diện được ủy quyền	Điều 16. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường	1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 16 Điều lệ mẫu TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết được ủy quyền cho mỗi người đại diện.</p>	<p>nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.</p>	<p>116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</p> <p>b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp.</p> <p>c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn</p>	<p>2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự</p>	<p>Sửa đổi phụ hợp khoản 2 Điều 144 LDN 2020, khoản 2 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	bán ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.	họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	
	3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của giấy ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây: ...	3. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây) ...	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 16 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	4. Việc ủy quyền trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông có tổ chức theo hình thức trực tuyến và/hoặc có bỏ phiếu điện tử hình thức điện tử khác sẽ thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).	<i>Bổ sung quy định về DHDĐ trực tuyến.</i>
Điều 16.	Điều 16. Thay đổi các quyền	Điều 17. Thay đổi các quyền	
	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền	1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi	<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nêu trên biểu quyết thông qua.</p> <p>Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	<p>bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 18 và Điều 20 Điều lệ này.	3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19, 20 và 21 Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 17 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 17.	Điều 17. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 18. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điểm b hoặc Điểm c Khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.	1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ này.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây: a. Chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội không sớm hơn năm (5) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp và tài liệu theo quy định phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty; b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội; Chưa có. Chưa có.	2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây: a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng; b. Chuẩn bị chương trình nội dung đại hội; c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 140, khoản 1 Điều 141 LDN 2020, khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Chưa có.</p> <p>c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>d. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;</p> <p>e. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;</p> <p>g. Các công việc khác phục vụ đại hội.</p>	
	<p>3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức báo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại Đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.</p> <p>Chưa có a → d.</p>	<p>3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để báo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch và Hệ thống trực tuyến trung tâm họp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến <u>toàn bộ tài liệu họp</u> để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <p>a. Chương trình họp, các tài liệu</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, 3 Điều 143 LDN 2020, Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định về DHDCT trực tuyến.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>sử dụng trong cuộc họp;</p> <p>b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>c. Phiếu biểu quyết;</p> <p>d. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.</p>	
	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 142 LĐN 2020; khoản 4 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</p>
	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 Điều này trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;</p> <p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 10% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này;</p>	<p>5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;</p> <p>b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ này;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bản bạc và thông qua;</p> <p>d. Các trường hợp khác.</p>	<p>c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.</p>	
	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	7. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 18 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 18.	Điều 18. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	
	1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.	1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 145 LCN 2020, khoản 1 Điều 19 Điều lệ mẫu TT</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			116/2020/TT-BTC. -> DN có thể giữ nguyên tỷ lệ hiện nay (51%).
	2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% số phần cổ quyền biểu quyết.	2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 145 LDN 2020, khoản 2 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành dự không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu cổ quyền biểu quyết của cổ đông hay đại diện ủy quyền tham dự và được coi là họp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.	3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 145 LDN 2020, khoản 3 Điều 19 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 19.	<u>Điều 19</u> , Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông	<u>Điều 29</u> , Thẻ thực tiến hành họp và biểu quyết tại <u>cuộc họp</u> Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC
	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.	1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ từng vấn đề được Chủ toạ thông báo sau khi tiến hành biểu quyết. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.	a. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một phiếu biểu quyết và/hoặc thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được Chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ toạ. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ toạ cuộc họp.	Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; Khoản 3 Điều 146 LDN 2020.
	3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến dự Đại hội đồng cổ đông muốn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội. Chủ toạ	b. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có	Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 1 Điều 20 Điều lệ mẫu TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự không bị ảnh hưởng.	quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	116/2020/TT-BTC.
	<p>Chưa có.</p> <p>đ. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.</p> <p><u>Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:</p> <p>a. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>b. Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;</p> <p>c. Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp.</p> <p>đ. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 146 LDN 2020, điểm a khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung phù hợp điểm c, d khoản 2 Điều 20 Điều lệ mẫu TT</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		phiếu theo đề nghị của chủ toạ cuộc họp.	116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian, đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	5. Chủ toạ đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự bất tri hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết.	Chuyển xuống quy định tại khoản 8.	Sửa đổi phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	6. Chủ toạ của đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.	4. Chủ toạ đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông; b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp trong trường hợp dự họp theo hình thức truyền thống; c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.	Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có a → c.		

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ toạ công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.	Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.	Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	7. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên tham gia đại hội.	7. Người triệu tập họp hoặc chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây: a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác; b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, có ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	8. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp được Hội đồng quản trị cho là thích hợp để:	Hủy bỏ.	Nội dung này đã được ghi nhận tại khoản 4 dự thảo Điều lệ này, phù hợp khoản 4 Điều

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;</p> <p>c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội.</p> <p>Hội đồng quản trị có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp nếu Hội đồng quản trị thấy cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.</p>		<p>20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>9. Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:</p> <p>a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó ("Địa điểm chính của đại hội");</p> <p>b. Hỗ trợ, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;</p> <p>Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>10. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.</p> <p>Hàng năm Công ty tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.</p>	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	11. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến tùy theo hoàn cảnh và khả năng của Công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ Công ty.	Hủy bỏ.	Đã quy định tại khoản 1 Điều 14 dự thảo Điều lệ.
	12. Việc biểu quyết thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác tùy theo hoàn cảnh và khả năng của Công ty và được quy định cụ thể tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.	Hủy bỏ.	Đã quy định bao hàm tại khoản 11 dự thảo Điều lệ.
Chưa có.		<p>h. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tới đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;</p> <p>b. Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia thảo luận và biểu quyết;</p>	Bổ sung phù hợp Khoản 8 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		c. Có người dự họp can trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.	
	Chưa có.	9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.	Bổ sung phụ lục Khoản 9 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	Bổ sung phụ lục Khoản 10 Điều 20 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	11. Trường hợp Đại hội đồng cổ đông tổ chức theo hình thức trực tuyến hoặc kết hợp cả hình thức trực tuyến và trực tiếp, cách thức đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến và bỏ phiếu điện tử hình thức điện tử khác để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).	Bổ sung quy định về DHDCD trực tuyến.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 20.	<u>Điều 20. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</u>	<u>Điều 21. Điều kiện để Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua</u>	Sửa đổi phù hợp Điều 148 LDN 2020, Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>1. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bỏ nhiệm Giám đốc điều hành;</p> <p>d. Các vấn đề khác, trừ các vấn đề quy định tại khoản 2, 3 Điều này;</p> <p>e. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ.</p>	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC (nội dung tại khoản này sẽ được quy định tại khoản 2 dự thảo Điều này).
	<p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền</p>	<p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và khoản 3 Điều 7 Luật số 03/2022/QH1, 5 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>	<p>b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p>	<p>điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.</p> <p>(Lưu ý: Theo quy định cũ, giao dịch mua tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán cũng phải xin ý kiến DHDCD. Tuy nhiên LDN chỉ yêu cầu xin ý kiến DHDCD đối với giao dịch bán tài sản -> Hiện DAS đang ghi nhận theo LDN 2020.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông tham dự và biểu quyết tại cuộc họp tân thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 Điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 21 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và khoản 5 Điều 7 Luật số 03/2022/QH13 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đầu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân sự.
	3. Hội thành viên, Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	3. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 21 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		quyết định vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	116/2020/TT-BTC.
Điều 21.	Điều 21. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	
	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.	Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây: 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 142 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và hướng dẫn tại khung Điều lệ CTCP của Tổng công ty.
	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét hiệu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến.	2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.	Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 149 LDN 2020; khoản 2 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức hoặc họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có thực hiện theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; nội dung Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản không bao gồm điểm g khoản này; hình thức Phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có).</p>	<p>Sửa đổi phù hợp điểm g khoản 3 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Bổ sung quy định về DHDĐT trực tuyến.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu, trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị công bố trước</p>	<p>Hủy bỏ</p> <p>4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:</p> <p>a. Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;</p> <p>c. Bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; thực hiện trong trường hợp Hội đồng quản trị có tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Trong trường hợp này, việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định khác có liên quan (nếu có);</p> <p>d. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 149 LDN 2020; khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDGD trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thời điểm kiểm phiếu đều là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử hình thức điện tử khác, việc gửi Phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Quy chế quản trị nội bộ của Công ty.</p>	<p>và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Đã quy định tại điểm g khoản 3 dự thảo Điều này.</i></p>
	<p>5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các quyết định đã được thông qua;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của</p>	<p>5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, phương thức gửi phiếu biểu quyết kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>đ. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 149 LĐTĐ 2020; khoản 5 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.	phiếu.	
	6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và có thể gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.	6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.	Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 149 LDN 2020; khoản 6 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 22 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 4 Điều 148 LDN 2020.
Điều 22.	Điều 22. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Điều 22. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	Sửa đổi phù hợp Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng	Hủy bỏ.	Các nội dung tại khoản này được phân bổ vào các điều

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>		<p><i>khóa bổ sung 1, 2, 3, 4 phù hợp Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;</p> <p>d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;</p> <p>đ. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;</p> <p>e. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;</p> <p>i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	
	Chưa có.	2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản	Bổ sung phụ lục khoản 2 Điều 23 Điều lệ mẫu TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		hợp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.	116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 23.	Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 11.5 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:	Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp Điều 24 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng sáu mươi (60) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 21 Điều lệ này.</p> <p>2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	
Điều 24.	<p>Điều 24. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được</p>	<p>Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây: ...</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>d. Các thông tin khác theo đánh giá của Hội đồng quản trị là cần thiết cung cấp và công khai (nếu có).</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm: ...</p> <p>c. Quá trình công tác;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);</p> <p>d. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;</p> <p>e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, quy chế bầu cử;</p> <p>g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).</p>	
	<p>2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng, có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa</p>	<p>2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị theo quy định sau đây:</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần phổ thông được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và điều chỉnh tỷ lệ phù hợp khoản 2 Điều 12 Điều lệ này.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p>dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng cử viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng cử viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa tám (08) ứng cử viên.</p>	<p>(Điều lệ mẫu không quy định tỷ lệ cụ thể mà chỉ ghi thực hiện theo LDN và Điều lệ. Do đó, để thuận tiện cho công tác thực hiện, DAS kiến nghị ghi nhận lại tỷ lệ cụ thể được đề cử, ứng cử ứng viên như dự thảo)</p>
	<p>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</p>	<p>3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
<p>Chưa có.</p>		<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị và quy định sau đây:</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 25 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC và khoản</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		a. Có trình độ đại học; b. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;	2 Điều 25 Điều lệ cũ.
Điều 25.	<u>Điều 25</u> , Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 26</u> , Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành, đồng thời, tổng số thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị tối đa là 07 người.</p> <p>2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.</p> <p>3. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:</p> <p>Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.</p> <p>Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đảm bảo quy định sau:</p> <p>a. Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 03 đến 05 thành viên;</p> <p>b. Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp Công ty có số thành viên Hội đồng quản trị từ 06 đến 07 thành viên.</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 1, 2, 3 Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Đã quy định tại khoản 4 Điều 25 dự thảo Điều lệ.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Là cổ đông cá nhân hoặc đại diện của cổ đông pháp nhân sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông hoặc người khác có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;</p> <p>b. Có trình độ đại học;</p> <p>c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực, liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;</p> <p>d. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp.</p>		
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <p>Chưa có.</p> <p>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định sau đây:</p> <p>a) Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên đó không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này; - Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận; - Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những 	<p><i>Ghi nhận theo khoản 3 Điều 25 Điều lệ cũ và sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 160 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>đ. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>e. Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm h khoản này.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm h khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị. <p>Chuyển xuống quy định tại điểm h khoản này.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. <p>b) Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; - Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông; - Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị; 	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.	
	6 Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, thay thế, nhân đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.	Sửa đổi phù hợp điểm 1 khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC.
	7. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là người nắm giữ cổ phần của Công ty.	6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty trừ trường hợp Điều lệ này có quy định khác.	Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 26 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 26.	Điều 26. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị	
	1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.	1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 27 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc điều hành và các người điều hành khác.	Hủy bỏ.	Chuyển xuống quy định tại khoản 2 dự thảo Điều lệ này.
	3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp và Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có	2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng	Các điểm tại khoản này được sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 27

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>những quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>b. <u>Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</u></p> <p>c. <u>Bổ nhiệm và miễn nhiệm, bãi nhiệm điều hành doanh nghiệp theo đề nghị của Giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;</u></p> <p>Chưa có b → h.</p>	<p>quản trị có những quyền hạn và <u>nhiệm vụ</u> sau:</p> <p>a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;</p> <p>c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;</p> <p>d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;</p> <p>đ. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán và Điều lệ này;</p> <p>e. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong phạm vi quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;</p> <p>g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;</p> <p>h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng,</p>	<p><i>Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;</p> <p>đ. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp công như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;</p> <p>e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;</p> <p>g. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;</p> <p>h. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông uỷ quyền;</p> <p>i. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Giám đốc điều hành người điều hành khác của Công ty. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền</p>	<p>giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm l khoản này.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm b khoản này.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm d khoản này.</p> <p>i. Bãi, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và những người điều hành khác; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người này; cử người</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>k. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bị nhiệm Giám đốc điều hành;</p> <p>l. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng; tổ chức việc chi trả cổ tức;</p> <p>m. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;</p>	<p>đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;</p> <p>k. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;</p> <p>l. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này;</p> <p>m. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;</p> <p>n. Trình báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>o. Kiến nghị mức cổ tức được trả, quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;</p> <p>p. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;</p> <p>q. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>n. Quyết định việc áp dụng Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>o. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;</p> <p>p. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của công ty.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm m khoản này.</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm n dự thảo khoản này.</p> <p>q. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;</p> <p>b. Thành lập các công ty con của Công ty;</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và Khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp, phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn. Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>mua, bán, sáp nhập, thâu tóm công ty và liên doanh);</p> <p>đ. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;</p> <p>đ. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;</p> <p>e. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 03 (ba) tỷ đồng Việt Nam hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;</p> <p>g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;</p> <p>h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;</p> <p>i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;</p> <p>j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;</p> <p>k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.</p>		
	<p>5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc</p>	<p>3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 27 Điều</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.	theo quy định tại Điều 280.Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	<i>lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	6. Trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 27 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 27	Điều 27. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	Điều 28. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	
	Chưa có.	1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.	2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công sản xuất hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền	3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 28 Điều</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty. Thủ lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.</p>	<p>theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.</p>	<p><i>lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 27.</p>	<p><u>Điều 27.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	<p><u>Điều 29.</u> Chủ tịch Hội đồng quản trị</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	1. Hội đồng quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu ra một Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức vụ Giám đốc điều hành của Công ty.	1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Giám đốc.	Chuyển xuống từ khoản 1 điều này, phù hợp khoản 2 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây: a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị; c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; đ. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày.	4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm chú hành vi, bị Tòa án tạm đình chỉ nhiệm vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại và thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 29 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		quản trị.	
Điều 28.	Điều 28, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	Điều 30, Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	
	<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình, nghị sự, thời gian và địa điểm họp chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>tương dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn;</p> <p>Chưa có.</p> <p>a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p> <p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát;</p> <p>d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>a. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;</p> <p>c. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p><i>c và d chuyển lên quy định tại điểm a dự thảo khoản này.</i></p> <p>d. Trường hợp khác do Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị quy định.</p>	<p><i>Chuyển lên từ điểm c, d (cũ) khoản này.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có</p>	<p>5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.		
	5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ	6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác nhưng	Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.	
	Chưa có.	<p>7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	Bổ sung phù hợp khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	<p>8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	<p>9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p>	Bổ sung phù hợp khoản 9 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	
	Chưa có.	10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đóng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 10 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 11 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	<p>9. Điều quyết.</p> <p>a. Trừ quy định tại điểm b khoản này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội</p>	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó, hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>c. Theo quy định tại điểm d khoản này khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết, một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phân quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;</p> <p>d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và Điểm b Khoản 4 Điều 39 Điều lệ này</p>		

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>		
	<p>10. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp một thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>11. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 12 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>12. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.</p> <p>Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>		
	<p>13. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>14. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuẩn bị biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>15. Hội đồng quản trị có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc. Thành viên của tiểu ban có thể gồm một hoặc nhiều thành viên của Hội đồng quản trị và một hoặc nhiều thành viên bên ngoài theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện quyền hạn được ủy thác, các tiểu ban phải tuân thủ các quy định mà Hội đồng quản trị đề ra. Các quy định này có thể điều chỉnh hoặc cho phép kết nạp thêm những người không phải là thành viên Hội đồng quản trị vào các tiểu ban nêu trên và cho phép người đó được quyền biểu quyết với tư cách thành viên của tiểu ban nhưng (a) phải đảm bảo số lượng thành viên bên ngoài ít hơn một nửa tổng số thành viên của tiểu ban và (b) nghị quyết của các tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết tại phiên họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 1 Điều 31 dự thảo Điều lệ.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 30, 31 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>16. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban, Hội đồng quản trị được coi là sơ giá trị pháp lý kể cả trong trường hợp việc bầu, chỉ định thành viên của tiểu ban hoặc Hội đồng quản trị có thể có sai sót.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 2 Điều 31 dự thảo Điều lệ.</p>	
<p>Chưa có.</p>		<p>Điều 31, Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị</p>	<p>Chuyển xuống từ khoản 15.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty, có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.</p> <p>2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	<p>16 Điều 29 Điều lệ cũ và sửa đổi phù hợp Điều 31 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
Điều 30.	<p>Điều 30. Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội</p>	<p>Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty và Thư ký công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.	quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.	
	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>a. Có hiểu biết về pháp luật;</p> <p>b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật và quyết định của Hội đồng quản trị.</p>	<p>2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tức thời điểm.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>g. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>l. Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>---</p> <p>Chưa có.</p> <p>h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	<p>3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>đ. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;</p> <p>e. Cung cấp các thông tin tài chính, báo sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;</p> <p>---</p> <p>h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;</p> <p>l. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 32 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>công ty;</p> <p>l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>công ty;</p> <p>k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật. Điều lệ này. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</p> <p>4. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tại từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <p>a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp;</p> <p>b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;</p> <p>c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;</p> <p>d. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hòa thông tin và thủ tục hành chính;</p> <p>đ. Đào mắt thông tin theo các quy</p>	<p><i>Bổ sung đây đủ hơn các tham chiếu về quyền và nghĩa vụ của người phụ trách quản trị công ty.</i></p> <p><i>Ghi nhận lại theo quy định tại Điều 34 Điều lệ cũ và cập nhật phù hợp khoản 5 Điều 156 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		định của pháp luật và Điều lệ công ty. c. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.	
CHƯƠNG VIII	CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY	CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	<i>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Mục VIII Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 31.	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trực thuộc sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một (01) Giám đốc điều hành, các Phó Giám đốc điều hành và một Kế toán trưởng và các chức danh khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thực hiện bằng nghị quyết Hội đồng quản trị được thông qua một cách hợp thức.	Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 31 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 32.	Điều 32. Người điều hành doanh nghiệp Chưa có.	Điều 34. Người điều hành Công ty 1. Người điều hành Công ty bao gồm Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành doanh nghiệp cần thiết với số lượng và chất lượng phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tại từng thời điểm. Người điều hành doanh nghiệp phải có sự sẵn sàng cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.	2. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quyết định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc điều hành do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành doanh nghiệp khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc điều hành.	3. Giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.	Bổ sung phù hợp Khoản 4 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 33.	<p>Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc điều hành</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành; ký hợp đồng trong đó quy định mức lương, thù lao</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc</p> <p>1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Giám đốc.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 35 Điều lệ mẫu TT

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>và lợi ích khác. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Giám đốc điều hành phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty</p>		116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	<p>2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.</p>	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>2. Nhiệm kỳ của Giám đốc điều hành là năm (05) năm nếu HĐQT không quyết định bổ nhiệm thời hạn ngắn hơn, và có thể được tái bổ nhiệm với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc điều hành không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p>	<p>1. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.
	<p>1. Tiêu chuẩn của Giám đốc điều hành:</p> <p>a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>b. Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm thực tế trong quản trị</p>	Hủy bỏ.	Đã được quy định bao hàm tại khoản 3 dự thảo Điều này.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>kinh doanh hoặc trong ngành, nghề kinh doanh chính của Công ty;</p> <p>c. Tiêu chuẩn khác quy định tại Quy chế Quản trị Công ty.</p>		
	<p>4. Giám đốc điều hành có những quyền hạn và trách nhiệm sau:</p> <p>Chưa có.</p> <p>a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;</p> <p>b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;</p> <p>c. Kiến nghị số lượng và các người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm nhằm thực hiện các hoạt động quản lý tốt theo đề xuất của Hội đồng quản trị và sự vấn đề Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của người điều hành doanh nghiệp.</p>	<p>4. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:</p> <p>a. Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;</p> <p>b. Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;</p> <p>Chuyển lên quy định tại điểm a khoản này.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung, thay bộ phụ hợp khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;</p> <p>đ. Vào ngày 31 tháng 12 hàng năm, Giám đốc điều hành phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;</p> <p>e. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;</p> <p>g. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;</p> <p>h. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký của Giám đốc điều hành và pháp luật.</p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại điểm i dự thảo khoản này.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>l. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty.</p> <p>Chưa có đ → l.</p>	<p>đ. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;</p> <p>đ. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.</p> <p>e. Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;</p> <p>g. Tuyển dụng lao động;</p> <p>h. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;</p> <p>i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	<p>5. Giám đốc điều hành chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.</p>	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>6. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Giám đốc điều hành khi đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Giám đốc điều hành mới thay thế.</p>	<p>5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, Điều 162 LDN 2020.
Điều 34.	Điều 34. Thư ký Công ty	Hủy bỏ	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát. 2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp. 3. Tham dự các cuộc họp. 4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp. 5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao hiện bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. 6. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. 7. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty. 		<p><i>Đã chuyển lên quy định tại Khoản 4 Điều 32 dự thảo Điều lệ.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>8. Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông.</p> <p>Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>		
Điều 35.	<p>Điều 35. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên</p>	<p>Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên)</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ này và quy định sau đây:</p> <p>Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>1. Việc ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này và quy định sau đây: ...</p> <p>Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng cử viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng cử viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng cử viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng cử viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng cử viên; từ 50% được đề cử tối đa năm (05) ứng cử viên.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 36 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>(Điều lệ mẫu không quy định tỷ lệ cụ thể mà chỉ dẫn chiếu đến Điều 25 Điều lệ. Do đó, để thuận tiện cho công tác thực hiện, DAS kiến nghị ghi nhận lại tỷ lệ cụ thể được đề cử, ứng cử ứng viên như dự thảo).</p>
	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm</p>	<p>2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu TT</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	116/2020/TT-BTC.
Điều 36.	Điều 36. Kiểm soát viên	Điều 37. Thành phần Ban kiểm soát	Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Các Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật Doanh nghiệp, không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liên trước đó. Kiểm soát viên phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên.</p> <p>Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:</p>	<p>1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 đến 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại Điều 38 dự thảo Điều lệ.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các người điều hành doanh nghiệp khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>		
	<p>2. Các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm. Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Đã quy định ở khoản 1 dự thảo Điều này.</i></p>
	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên:</p> <p>a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>b. Có trình độ Đại học;</p> <p>c. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;</p>	<p>2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và quy định sau:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>a. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>b. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>c. Có trình độ Đại học;</p> <p>d. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;</p> <p>e. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>e. Tiêu chuẩn khác theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có).</p>	
	<p>4. Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Ban kiểm soát liên tục trong vòng sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết</p>	<p>3. Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;</p> <p>b. Có đơn từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty và được chấp thuận;</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi dân sự;</p> <p>Chuyển xuống quy định tại khoản 4 dự thảo Điều này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức Kiểm soát viên theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>g. Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ Kiểm soát viên;</p> <p>h. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 164 của Luật Doanh nghiệp;</p> <p>i. Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;</p> <p>j. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại khoản 4 dự thảo Điều này.</p> <p>đ. Cổ đông thay đổi người đại diện đang giữ chức vụ Kiểm soát viên;</p> <p>Hủy bỏ (đã quy định tại điểm a).</p> <p>Chuyển xuống quy định tại khoản 4 dự thảo Điều này.</p> <p>Chuyển xuống quy định tại khoản 4 dự thảo Điều này.</p> <p>đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.</p>	
	<p>Chưa có.</p>	<p>4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a) Không hoàn thành nhiệm vụ công việc được phân công;</p> <p>b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</p> <p>c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 37 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>tri công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;</p> <p>đ) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.</p>	
	Chưa có	<p>Điều 38. Trường Ban kiểm soát</p> <p>1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:</p> <p>a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;</p> <p>c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>Bổ sung phù hợp Điều 38 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
Điều 37.	Điều 37. Ban kiểm soát	<p>Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát</p>	<p>Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Công ty phải có Ban kiểm soát và Ban kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:</p>	<p>Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>a. Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan;</p>	<p>1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;</p> <p>c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết;</p> <p>d. Kiểm tra các báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý;</p> <p>đ. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;</p>	<p>Hủy bỏ b → h.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>e. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phân hồi của ban quản lý công ty;</p> <p>g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;</p> <p>h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phân hồi của ban quản lý;</p>		
	<p>i. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	<p>2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>j. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và cổ đông;</p>	<p>3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.</p> <p>4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3, 4 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>k. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;</p>	<p>5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 39 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 39 Điều</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	2. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 8 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 9 Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	Chưa có.	10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.	<i>Bổ sung đầy đủ các tài liệu quy định về quyền, nghĩa vụ của BKS.</i>
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, điều hành và người điều hành khác phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ hồ sơ các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng	Hủy bỏ.	<i>Hủy bỏ phù hợp Điều 39 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>quản trị, cổ đông và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, cổ đông.</p>		
	<p>3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần mỗi năm và số lượng thành viên tham dự các cuộc họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 40.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 39, 40 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>4. Mức thù lao của các Kiểm soát viên do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc thực thi các hoạt động khác của Ban kiểm soát.</p>	<p>Chuyển xuống quy định tại Điều 41.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 39, 41 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát</p> <p>1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định</p>	<p>Chuyển xuống từ Điều 39 dự thảo Điều lệ sửa đổi (Điều 37 Điều lệ cũ) và sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 40 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.</p> <p>2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.</p>	
	Chưa có.	<p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:</p> <p>1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát.</p> <p>2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.</p> <p>3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh</p>	<p><i>Chuyển xuống từ Điều 39 dự thảo Điều lệ sửa đổi (Điều 37 Điều lệ cũ) và bổ sung phù hợp Điều 41 Điều lệ mẫu theo TT 116/2020/TT-BTC, Điều 172 LDN 2020.</i></p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		ngành, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.	
CHƯƠNG X	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC	CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC	Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 38.	Điều 38. Trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và Người điều hành khác Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và Người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của Công ty và với mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.	Hủy bỏ tiêu đề. Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Công ty.	Sửa đổi phù hợp mục X Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 39.	Điều 39. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Điều 42. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	Sửa đổi thủ tục điều khoản phù hợp dự thảo Điều lệ.
	Chưa có.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.	Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC. Ghi chú: Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không ràng buộc

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" (vào sau cụm "người quản lý khác") để đảm bảo tính chặt chẽ cho việc thực hiện.</p>
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020 TT-BTC.</p> <p><i>Ghi chú:</i> Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không còn ràng buộc trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" (vào sau cụm "người quản</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người quản lý khác, người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính, đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.</p>	<p>ly khác") để đảm bảo tính chặt chẽ cho việc thực hiện.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 3 Điều 291 ND 155/2020/ND-CP.</p> <p><i>Ghi chú:</i> Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu chỉ quy định trách nhiệm đối với "người quản lý khác".</p> <p>Tuy nhiên, khoản 4 Điều 290 ND 155/2020/ND-CP yêu cầu BKS phải báo cáo DHDCD thường niên về cả giao dịch của "Người điều hành khác" với DN, hoặc với công ty con, công ty do DN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ -> DN ý kiến ghi nhận thêm</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			"người điều hành khác" để thuận tiện cho việc theo dõi và áp dụng quy định.
	3. Công ty không cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ trường hợp các khoản vay hoặc bảo lãnh nêu trên đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Quy định này không bắt buộc đối với các tổ chức có liên quan đến các thành viên nêu trên mà tổ chức này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty với Công ty Cấp nước Bến Thành, bao gồm công ty mẹ, công ty con, tập đoàn kinh tế và trường hợp khác theo quy định pháp luật chuyên ngành.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-HTC.
	Chưa có.	4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-HTC.
	Chưa có.	5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết	Bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-HTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	<i>Ghi chú:</i> Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không ràng buộc trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" để đảm bảo tính chặt chẽ khi thực hiện.
	<p>4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người điều hành, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành hoặc</p>	<p>6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:</p> <p>a. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát,</p>	<p>Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Ghi chú:</i> Cụm "người điều hành khác" đã phù hợp với khoản 6 Điều 47 Điều lệ mẫu. Tuy nhiên, Điều 167 LBN 2020 chỉ yêu cầu chủ thể này là "người quản lý khác".</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với những hợp đồng có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người điều hành, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này;</p> <p>c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành, người điều hành khác và những người có liên quan với các thành viên nêu trên không được</p>	<p>Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;</p> <p>b. Đối với giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 25% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 25% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>=> DN ý kiến ghi nhận là "người điều hành khác" giống Điều lệ mẫu.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<i>sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.</i>		
Điều 40.	Điều 40. Trách nhiệm về thiệt hại bồi thường	Điều 43. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	
	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, điều hành, người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mất cân và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Quy định tại khoản này không ghi nhận "người quản lý khác" mà chỉ quy định đối với "người điều hành khác" -> DV để nghị ghi nhận thêm "người quản lý khác" để đảm bảo tính chặt chẽ trong hoạt động quản trị, điều hành.</p>
	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, điều</p>	<p>2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 48 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p><i>Lưu ý:</i> Quy định tại khoản này không ghi nhận "người</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>hành, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiến, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn căn vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;</p> <p>b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.</p>	<p>độc, người quản lý khác, người điều hành khác, nhân viên hoặc đại diện được Công ty ủy quyền đã hoặc đang thực hiện nhiệm vụ theo ủy quyền của Công ty, hành động trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm trách nhiệm của mình.</p>	<p>quản lý khác" mà chỉ quy định đối với "người điều hành khác" => DN để nghị ghi nhận thêm "người quản lý khác" để đảm bảo tính chặt chẽ trong hoạt động quản trị, điều hành</p>
	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuế luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp</p>	<p>3. Chi phí bồi thường bao gồm chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế (kể cả phí thuế luật sư) khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 48 Điều lệ mẫu TT/116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	khô luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.	
CHƯƠNG XI	CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	CHƯƠNG XI. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	Sửa đổi phù hợp Mục XI Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC
Điều 41.	Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	Điều 44. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại Khoản 4 Điều 11 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền, gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.	1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau: a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết, yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông; b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền xem xét, tra cứu, trích lục số hiện bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật	Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.	
	Chưa có.	2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành và Người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.	1. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.	Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	4. Điều lệ Công ty phải được công bố trên website của công ty.	5. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 49 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 42.	Điều 42. Công nhân viên và công đoàn 1. Giám đốc điều hành phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý. 2. Quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn được thiết lập theo các chuẩn mực, thống lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thống lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Điều 45. Công nhân viên và công đoàn 1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp. 2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thống lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thống lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.	Sửa đổi phù hợp Điều 50 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 43.	Điều 43. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Chưa có.	Điều 46. Phân phối lợi nhuận 1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty. Cụ thể: a. Lợi nhuận của Công ty sau khi hoàn thành nghĩa vụ thuế, nghĩa vụ tài chính và bù lỗ năm trước theo quy định pháp luật, sẽ được trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông do Hội đồng quản trị lập và trình Đại hội đồng	Bổ sung trên cơ sở tham khảo quy định về phương án chia cổ tức, lợi nhuận sau thuế hàng năm đối với doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp mà Nhà nước nắm giữ trên

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>cổ đồng quyết định từng năm,</p> <p>b. Thứ tự phân phối lợi nhuận cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật, - Lợi nhuận sau khi nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp được tiếp tục phân phối:^(*) • Chia lãi cho các bên góp vốn liên kết theo quy định của hợp đồng kinh tế đã ký kết (nếu có). • Bà đáp khoản lỗ của các năm trước đã hết thời hạn được trừ vào lợi nhuận trước thuế theo quy định. • Trích Quỹ đầu tư phát triển doanh nghiệp, • Trích Quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi cho người lao động, quỹ thưởng người quản lý Công ty^(**), • Lợi nhuận còn lại thực hiện chia cổ tức cho cổ đồng theo tỷ lệ do Đại hội đồng cổ đồng quyết định. <p>(Bổ sung footnote vào sau các dấu (*) và (**)) như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Theo Nghị định 140/2020/ND-CP ngày 30/11/2020 (các nội dung có liên quan đến Nghị định 140/2020/ND-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ). 	<p>50% vốn điều lệ tại Nghị định 140/2020/ND-CP ngày 30/11/2020 và ý kiến DN.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>** Thực hiện theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 (các nội dung có liên quan đến khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2016/NĐ-CP sẽ tự động cập nhật khi quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc hủy bỏ).</p>	
	<p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp và quy định pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.</p>	<p>Bổ sung tham chiếu đến các quy định pháp luật khác.</p>
	<p>4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	<p>4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể</p>	<p>5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết đăng ký giao dịch tại Sở giao</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <u>Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.</u>	dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc <u>Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.</u>	
	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, <u>phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.</u>	6. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, <u>quyết định</u> xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức <u>bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu</u> , nhận thông báo hoặc tài liệu khác.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 51 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
CHƯƠNG XIV	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>HỆ THỐNG KẾ TOÁN</u>	CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ <u>CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN</u>	<i>Sửa đổi phù hợp Mục XIV Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 44.	<u>Điều 44.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	<u>Điều 47.</u> Tài khoản ngân hàng 1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 52 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 46.	<u>Điều 46.</u> Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS)</u> hoặc chế độ kế toán khác được <u>Đã Tài chính</u> chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các loại <u>đồng kinh doanh</u> mà	<u>Điều 49.</u> Chế độ kế toán 1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là <u>chế độ kế toán doanh nghiệp</u> hoặc chế độ kế toán đặc thù được <u>cơ quan có thẩm quyền ban hành</u> , chấp thuận. 2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan.	<i>Sửa đổi phù hợp Điều 54 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.	
	3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam (hoặc ngoại tệ tự do chuyển đổi trong trường hợp được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận) làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.	3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.	
CHƯƠNG XV	CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHUNG	CHƯƠNG XV. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN	Sửa đổi phù hợp Mục XV Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 47.	Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán, tháng và quý	Điều 50. Báo cáo tài chính năm, bán, niên và quý	Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 49 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, Công ty nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.	1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.	2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán (khi Công ty trở thành công ty đại chúng quy mô lớn hoặc niêm yết) và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp	3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng và báo cáo tài chính quý của công ty phải được công bố trên website của Công ty.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.	Hủy bỏ.	Hủy bỏ phù hợp Điều 55 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 49.	Điều 49, Kiểm toán	Điều 52, Kiểm toán	
	1. Đại hội đồng cổ đông thường	1. Đại hội đồng cổ đông chỉ định	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành các hoạt động kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.</p>	<p>một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 57 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	
	<p>3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được gửi đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	<p>2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.</p>	
	<p>4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	<p>3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.</p>	
<p>CHƯƠNG XVII</p>	<p>CHƯƠNG XVII. <u>CƠN ĐÁU</u></p>	<p>CHƯƠNG XVII. <u>ĐÁU</u> CỦA DOANH NGHIỆP</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Mục XVII Điều lệ mẫu TT</p>

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			116/2020/TT-BTC.
Điều 50.	Điều 50. Con dấu	Điều 53. Dấu của doanh nghiệp	
	<p>Chưa có.</p> <p>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.</p> <p>Chưa có.</p> <p>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <p>2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty (nếu có).</p> <p>3. Vào ngày thông qua Điều lệ này, Công ty có 01 con dấu chính thức là dấu tròn, màu đỏ, nội dung bao gồm tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở (chi ghi cấp quận/huyện/thành phố trực thuộc và thành phố Hồ Chí Minh), chính giữa con dấu là tên doanh nghiệp, vành dấu có mã số doanh nghiệp và địa chỉ nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính, thẩm quyền quản lý và sử dụng con dấu theo quy định của pháp luật.</p> <p>4. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 58 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và bổ sung nội dung theo khuyến nghị của Tổng công ty.</p>
CHƯƠNG XVIII	CHƯƠNG XVIII. CHĂM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	CHƯƠNG XVIII. GIẢI THỂ CÔNG TY	Sửa đổi phù hợp Mục XVIII Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 51.	Điều 51. Chăm dứt hoạt động	Điều 54. Giải thể Công ty	Sửa đổi tiêu đề phù hợp Điều

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:</p> <p>a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;</p> <p>b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</p> <p>g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật</p>	<p>1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>b. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;</p> <p>c. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.</p>	Sửa đổi phù hợp Điều 59 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
	<p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	<p>2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.</p>	
Điều 52.	Điều 52, Thanh lý	Điều 55, Thanh lý	
	<p>1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn</p>	<p>1. Tối thiểu 06 tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ 01 công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 61 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.	
	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Tiền lương, trợ cấp thời việc, chi phí bảo hiểm và các quyền lợi khác cho người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;</p> <p>d. Các khoản vay (nếu có);</p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>e. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	<p>3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:</p> <p>a. Các chi phí thanh lý;</p> <p>b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thời việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;</p> <p>c. Thuế;</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>đ. Các khoản nợ khác của Công ty;</p> <p>d. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (đ) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.</p>	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 61 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 53.	Điều 53, Giải quyết tranh chấp nội bộ	Điều 56, Giải quyết tranh chấp nội bộ	
	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Điều lệ công ty, Luật Doanh nghiệp, các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:	1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:	Sửa đổi phù hợp Điều 62 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc điều hành hay Người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hòa giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	<p>a. Cổ đông với Công ty;</p> <p>b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;</p> <p>Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.</p> <p>2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.</p> <p>3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.</p>	

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 54.	Điều 54. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ 1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định. 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Điều 57. Điều lệ công ty 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định. 2. Trường hợp pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.	Sửa đổi phù hợp Điều 63 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 55.	Điều 55. Ngày hiệu lực 1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương, 55 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nhất trí thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2020 tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và công chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. Bản Điều lệ này thay thế cho bản Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào ngày 12 tháng 4 năm 2016 và các nghị quyết bổ sung, sửa đổi có liên quan. 2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần	Điều 58. Ngày hiệu lực 1. Bản điều lệ này gồm 21 chương, 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm ... tại ... và công chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này. 2. Điều lệ được lập thành ... bản, có giá trị như nhau và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. 4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng	Sửa đổi phù hợp dự thảo Điều lệ. Sửa đổi phù hợp khoản 2, 4 Điều 64 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	ĐIỀU LỆ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO ĐIỀU LỆ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.	

Trong Điều lệ này:

1. Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi nội dung dự thảo Điều lệ được thông qua;
2. Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Điều lệ hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Điều lệ được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.
Tương tự, các điều chỉnh nhưng không thay đổi về nội dung Điều lệ (ví dụ: giải thích/bổ giải thích bằng chữ các con số, ...) cũng không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.
3. Chức danh "Giám đốc điều hành" sẽ được thay đổi thành "Giám đốc" nếu được ĐHĐCĐ thông qua, không cần chi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.
4. Ngoài các điều khoản thay đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công Ty đã tổng hợp nêu trên để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua, các nội dung sửa đổi tại toàn văn dự thảo Điều lệ (mà chưa được đề cập) và các điều khoản thuộc trường hợp nêu tại mục 1, 2 thì các điều khoản khác sẽ giữ nguyên không thay đổi.

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết Đại hội cổ đông bất thường năm 2022 ngày / /2022)

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020.
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019.
- Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thông qua ngày 21 tháng 4 năm 2022.

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty.

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a. *Quản trị công ty* là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả;
- Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông;

- Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông;
- Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;
- Tôn trọng và bảo đảm vai trò, quyền, lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty;
- Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

b. Công ty được hiểu là Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành;

c. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;

d. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;

e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.

f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau:

- Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.

- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;

- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;

- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.

g. Hệ thống trực tuyến là ứng dụng/hệ thống phần mềm/website mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.

h. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại đợt lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.

i. Bỏ phiếu truyền thống là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ, Quy chế quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Những chữ viết tắt:

- HDQT: Hội đồng quản trị
- DHDCD/Đại hội: Đại hội đồng cổ đông
- BKS: Ban kiểm soát

3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.

Điều 3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường

Cuộc họp DHDCD thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội truyền thống, Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa vào tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông.

Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
8. Điều kiện tiên hành;
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
10. Cách thức bỏ phiếu;
11. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;

12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
14. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
15. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;
16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;
17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;
18. Các vấn đề khác.

Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.

2. Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.

Điều 5. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;

2. Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

Điều 6. Thông báo triệu tập, chương trình họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội, được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi có phiếu của Công ty niêm yết, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi mốt (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi kèm theo thông báo mời họp cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và Hệ thống trực tuyến trong trường hợp có tổ chức bỏ phiếu điện tử. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục gửi kiến nghị, chấp nhận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông

Cổ đông đăng ký tham dự ĐHDCD theo các quy định sau đây:

1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:

a. Đăng ký dự họp trực tiếp, qua điện thoại, fax, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc cách thức khác ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

b. Ủy quyền đại diện tham dự đại hội: Trường hợp cổ đông tổ chức có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Việc ủy quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Điều 15 Điều lệ công ty.

c. Đăng ký trực tuyến (nếu có) theo cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.

d. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Đối với Đại hội truyền thống và cổ đông đến dự họp trực tiếp:

Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.

b. Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:

- Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp.

- Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự ĐHDCD và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự.

- Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và có nghĩa vụ:

- Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại khoản này tương tự như cổ đông.

- Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chỉ của cổ đông.

- Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tài khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này.

e. Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này:

- Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này.

- Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp/ủy quyền dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp.

3. Ủy quyền tham dự ĐHĐCĐ:

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định Điều 16 của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

a. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội truyền thống:

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

b. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến:

Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến theo các quy định sau đây:

- Phải có/nộp Giấy ủy quyền hợp lệ trước khi dự họp;

- Hình thức ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này hoặc hình thức khác do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

Điều 8. Điều kiện tiến hành, hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo các điều kiện quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông và cách thức phản đối nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Cách thức bỏ phiếu

Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:

a. Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);

b. Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập Đại hội đồng cổ đông quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.

Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến: có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác, ...).

a. Bỏ phiếu truyền thống đối với cổ đông đến/ủy quyền dự họp trực tiếp:

Khi tiến hành đăng ký tham dự Đại hội, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền của cổ đông Phiếu biểu quyết hoặc/ và Thẻ biểu quyết, trên đó ghi mã số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

- **Phiếu biểu quyết:** Được áp dụng đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách đề cử, ứng cử; Thẻ lệ bầu cử (trong trường hợp có bầu cử); Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thông nhất trước khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: Tán thành, Không tán thành, Không có ý kiến hoặc Có ý kiến khác.

- Thẻ biểu quyết:

- Được áp dụng đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô Tán thành hoặc Không tán thành hoặc Không có ý kiến của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết.

- Thẻ biểu quyết không hợp lệ là thẻ biểu quyết không do Công ty phát hành; ghi thêm nội dung, thông tin, ký hiệu khác ... khi không được Chủ tọa yêu cầu; thẻ biểu quyết bị gạch xóa, sửa chữa, rách, không còn nguyên vẹn. Thẻ biểu quyết không thể hiện rõ ràng ý kiến của cổ đông, không đánh dấu ý kiến nào hoặc đánh dấu từ 2 ý kiến trở lên đối với nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết nào thì phần biểu quyết đối với nội dung đó là không hợp lệ.

- Trong một Thẻ biểu quyết, các nội dung cần lấy ý kiến được biểu quyết độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của phần biểu quyết nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác.

- Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm, hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn mà cổ đông chưa biểu quyết; nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ đông có

thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.

- **Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:** thực hiện bằng phiếu bầu cử được phát tại Đại hội đồng cổ đông theo số cổ phần sở hữu của cổ đông.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.

- Thời gian bắt đầu và kết thúc việc bỏ phiếu do Chủ tọa đoàn hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội.

b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

- Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.

Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.

- Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ thống trực tuyến như sau:

- Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến.

- Đối với nội dung bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp.

- Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bỏ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm phiếu thông báo tại Đại hội đồng cổ đông. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa.

- Thời gian cổ đông có thể bắt đầu truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội.

- Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế này.

- Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu

tiền lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thông sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

- Các nội dung khác về việc bỏ phiếu sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Bỏ phiếu trong trường hợp DHDCĐ tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến:

- Trường hợp Công ty không tổ chức bỏ phiếu điện tử, các cổ đông thực hiện biểu quyết tại địa điểm mà cổ đông tham dự đại hội tương tự quy định tại điểm a khoản này hoặc một hình thức khác do HĐQT xây dựng và trình DHDCĐ thông qua.

- Trường hợp Công ty tổ chức họp DHDCĐ trực tuyến kết hợp bỏ phiếu điện tử, cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo quy định về bỏ phiếu điện tử nếu tham gia biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử.

2. Cách thức kiểm phiếu:

a. Đối với biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết:

Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn. Chủ tọa sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

b. Đối với biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết:

- Ban kiểm phiếu phải tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi bỏ phiếu với sự chứng kiến của các cổ đông;

- Việc bỏ phiếu bắt đầu từ khi có thông báo của Trưởng Ban kiểm phiếu và kết thúc khi không còn cổ đông nào bỏ phiếu biểu quyết vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải được tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập Biên bản thống kê số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến của Đại hội đồng cổ đông đối với từng vấn đề biểu quyết để báo cáo Chủ tọa đoàn;

- Kết quả kiểm phiếu phải được thể hiện trong Biên bản kiểm phiếu và được Chủ tọa công bố trước Đại hội.

c. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

d. Trường hợp bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:

Việc kiểm phiếu phải đảm bảo đủ thông tin về tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề.

e. Trường hợp DHDCĐ tổ chức theo hình thức kết hợp bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác theo quy định, việc kiểm phiếu phải đảm bảo thống kê đầy đủ các thông tin về số phiếu biểu quyết của tổng các cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác.

3. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu sẽ công bố kết quả kiểm phiếu từng vấn đề sau khi tiến hành biểu quyết.

a. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tỉ lệ % phiếu biểu quyết từng loại trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và các nội dung khác theo quy định pháp luật;

b. Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trước Đại hội đồng cổ đông.

c. Việc công bố kết quả kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.

4. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.

Điều 10. Lập Biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c. Chương trình và nội dung cuộc họp;

d. Họ, tên Chủ tọa và thư ký;

e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết tương ứng;

g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty; trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký

và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp DHDCD, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản uỷ quyền tham dự và tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định, công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Hội đồng quản trị phải lập Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:

a. Thủ lao, chi phí hoạt động và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và của từng thành viên Hội đồng quản trị;

b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị;

e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).

f. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;

g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;

h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

1. Ban kiểm soát phải lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.

2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:

a. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên;

b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;

c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

f. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông.

Điều 13. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

a. HĐQT phải chuẩn bị Phiếu lấy ý kiến; Dự thảo nghị quyết của DHDCTD và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

d. Gửi tài liệu và Phiếu lấy ý kiến cho cổ đông.

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.

Phiếu lấy ý kiến gửi thư về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được mở trước khi kiểm phiếu; trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mờ, bị công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác: Việc biểu quyết của cổ đông sẽ được thực hiện trên hệ thống trực tuyến tương tự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty đã được DHDCTD thông qua.

Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông bỏ phiếu theo nhiều hình thức thì phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu ý kiến theo hình thức khác sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.

f. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (kể cả trường hợp lấy ý kiến cổ đông theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác):

Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.

3. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website Công ty trong thời hạn 24 giờ và có thể gửi đến cổ đông trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

CHƯƠNG III

VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THỦ LAO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.

Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

4. Công ty hạn chế thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm các chức danh điều hành trong bộ máy điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Giám đốc của Công ty.

Điều 15. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông muốn đề cử người hoặc ứng cử vào thành viên Hội đồng quản trị cần đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều này và phải nộp đầy đủ văn bản theo quy định của Công ty tại từng thời điểm, như Giấy đề cử/ ứng cử, Sơ yếu lý lịch ứng cử viên,

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.

Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị (trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày tháng năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị; cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.

2. Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, cổ đông dấu Công ty; hoặc hình thức khác được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

3. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử;

4. Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp chưa có danh sách ứng viên chính thức đính kèm tài liệu họp. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu;

5. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng tổng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên;

6. Phiếu bầu trong trường hợp bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến hoặc quy chế, quy định khác của Công ty được DHDCD thông qua.

Điều 18. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Điều lệ Công ty.

Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định

tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty; được bầu bổ sung theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Thông báo về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Điều 20. Quyền của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.

Điều 21. Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT

Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau:

1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty.
2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
3. Báo cáo đầy đủ và kịp thời với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác.
4. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
5. Thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.
6. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể đề nghị HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ chấp thuận mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IV

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 23. Các hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị

1. Các hình thức tổ chức họp của Hội đồng quản trị:

a. Họp trực tiếp.

b. Họp trên điện thoại hoặc các hình thức khác. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;

- Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc là kết hợp tất cả những phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là "có mặt" tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập hợp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy, là địa điểm mà Chủ toạ cuộc họp hiện diện.

Các quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

2. Lấy ý kiến bằng văn bản:

a. Chủ tịch HĐQT gửi Phiếu lấy ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước ba (03) ngày làm việc trước ngày lấy biểu quyết.

b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thống lệ.

c. Thư ký Công ty và một thành viên BKS do Trưởng BKS cử có trách nhiệm lập Biên bản kiểm phiếu và ký tên vào Biên bản.

Điều 24. Các cuộc họp Hội đồng quản trị và thông báo họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

- a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- c. Ban kiểm soát.
- d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 25. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 26. Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

2. Trừ quy định khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có một với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Theo quy định tại khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. Phân quyết của chủ tọa liên quan đến vấn đề này có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tình chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ.

Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 28. Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) và phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp này, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

2. Biên bản họp Hội đồng quản trị, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 29. Thông báo Nghị quyết Hội đồng quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc cá nhân, đơn vị được phân công có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty; công bố đến

thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và các cá nhân, đơn vị liên quan đến các nội dung tại Nghị quyết Hội đồng quản trị để biết và thực hiện. Đồng thời, báo cáo và công bố thông tin cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định pháp luật.

CHƯƠNG V BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của người quản lý, người điều hành và hoạt động của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Điều 30. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ Đại học;
3. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty;
4. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực liêm khiết, có hiểu biết luật pháp;
5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
7. Tiêu chuẩn khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có).

Điều 31. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vị trí Kiểm soát viên

1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 36 Điều lệ Công ty.

2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn Kiểm soát viên hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Ban kiểm soát xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty hoặc cơ chế khác quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát, Quy chế bầu cử. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 32. Thẻ thức bầu cử Kiểm soát viên

Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty

Điều 34. Thông báo về bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Ban kiểm soát phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

CHƯƠNG VI

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 35. Tiêu chuẩn Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành do HĐQT quyết định tùy theo từng thời điểm. Người điều hành phải có trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

2. Người điều hành phải đáp ứng các tiêu chuẩn chung như sau:

a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

b. Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;

c. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;

d. Có năng lực quản trị;

3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc, Phó Giám đốc:

Ngoài quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, tiêu chuẩn chung nêu trên, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Có trình độ chuyên môn môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;

b. Có trình độ đại học trở lên;

c. Không phải là thành viên BKS Công ty;

d. Không đồng thời là Người điều hành ở doanh nghiệp khác.

e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; lệ và người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ nêu trên.

Tùy theo giai đoạn phát triển của Công ty, HĐQT có thể điều chỉnh, bổ sung tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc phù hợp Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.

4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng:

Ngoài quy định của tiêu chuẩn chung nêu trên, Kế toán trưởng Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán theo quy định của Luật Kế toán.

b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất 05 năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật kế toán.

c. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu

tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty.

Điều 36. Bổ nhiệm Người điều hành

1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc do HĐQT quy định cụ thể nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

2. Những Người điều hành khác (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, ...) do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Giám đốc. Nhiệm kỳ những Người điều hành này do HĐQT quy định cụ thể nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Điều 37. Ký kết hợp đồng với Người điều hành

1. Chủ tịch HĐQT hoặc một thành viên HĐQT được HĐQT ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Người điều hành.

2. HĐQT có thể xem xét thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động với Người điều hành nếu xét thấy cần thiết.

Điều 38. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành

1. HĐQT có thể bãi nhiệm Giám đốc theo Khoản 5 Điều 35 Điều lệ Công ty.

2. Người điều hành khác sẽ do HĐQT xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Giám đốc hoặc trên cơ sở giám sát, đánh giá của HĐQT.

3. Hợp đồng lao động đối với Người điều hành có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây:

a. Người điều hành không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đối với Người điều hành doanh nghiệp;

b. Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Công ty và quy định pháp luật.

c. Chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận của các bên hoặc các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật về lao động.

Điều 39. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.

Điều 40. Quyền và nghĩa vụ, tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành Công ty

Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Điều 41. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ có quy định khác.

2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng

văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

3. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo Khoản 2 Điều này mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

4. Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau:

- Người đại diện theo pháp luật vắng mặt tại Việt Nam quá ba mươi (30) ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật;

- Người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

- Cá nhân không còn là Giám đốc theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc quy định pháp luật;

- Các trường hợp khác mà người đại diện theo pháp luật không thể không đảm trách công việc của người đại diện theo pháp luật hoặc nếu thực hiện công việc có thể ảnh hưởng đến uy tín, hiệu quả kinh doanh của Công ty và HĐQT quyết định rằng sẽ cử người khác thay thế làm Người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

6. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty:

a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

- Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

- Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình và/hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.

CHƯƠNG VII

QUY TRÌNH, THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Điều 42. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Giám đốc

1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi đến các Kiểm soát viên và Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

2. Khi thấy cần thiết phục vụ cho các công việc giám sát của mình, Trưởng Ban kiểm soát có quyền (hoặc cử thành viên khác của Ban kiểm soát) tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, trong cuộc họp có quyền thảo luận đóng góp ý kiến cho các vấn đề quan trọng nhưng không được quyền biểu quyết.

3. Giám đốc (dù không phải là thành viên Hội đồng quản trị) có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận, góp ý kiến nhưng không được biểu quyết.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nếu thấy cần thiết có quyền tham dự các cuộc họp do Giám đốc chủ trì. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền phát biểu ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

5. Đối với công tác tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Hội đồng quản trị phải thông báo cho Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực trước ít nhất là ba mươi (30) ngày.

6. Ngoài các cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi xét thấy cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp mở rộng định kỳ hoặc bất thường với Ban Kiểm soát, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác và phải được triệu tập ít nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp với các điều kiện sau:

a. Thông báo họp phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, Giám đốc và các thành viên được triệu tập được đăng ký tại Công ty;

c. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc và các thành viên được triệu tập phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- Thời gian, địa điểm họp;
- Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

- Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký hoặc thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị, hiệu lực của biên bản không bị ảnh hưởng.

d. Căn cứ nội dung biên bản họp, Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Thông báo kết quả cuộc họp được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.

Điều 43. Thông báo Nghị quyết của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Giám đốc

1. Hội đồng quản trị sẽ ban hành nghị quyết, quyết định đối với mỗi vấn đề quan trọng đã được thảo luận và quyết nghị tại Hội đồng quản trị. Căn cứ nội dung biên bản họp, Thư ký phối hợp với các bộ phận liên quan soạn thảo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về công bố thông tin.

2. Các nghị quyết và biên bản họp của Hội đồng quản trị phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên, Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 44. Giám đốc

Giám đốc thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, Quy chế này và quy định pháp luật; chịu sự giám sát và có trách nhiệm báo cáo đến Hội đồng quản trị về hoạt động của Giám đốc và Công ty.

Điều 45. Các trường hợp Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Những trường hợp đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị

Khi phát sinh các vấn đề trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc (đối với Giám đốc) hoặc phát sinh các sự việc ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty hoặc xét thấy vì lợi ích của Công ty mà thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, Giám đốc/ BKS đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Đề nghị phải bằng văn bản, nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Những vấn đề cần xin/ lấy ý kiến Hội đồng quản trị:

a. Quyết định các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

b. Việc thực hiện các dự án đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

c. Các vấn đề phát sinh trong công tác điều hành vượt quá thẩm quyền của Giám đốc.

d. Các vấn đề khác mà Giám đốc nhận thấy cần thiết phải xin ý kiến của Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng quản trị nhận thấy cần thiết phải tham gia ý kiến.

e. Đề xuất của Ban kiểm soát về việc chọn công ty kiểm toán độc lập.

f. Đề xuất của Ban kiểm soát về số lượng thành viên Ban kiểm soát.

g. Các báo cáo, kết luận và kiến nghị của Ban kiểm soát trước khi trình lên Đại hội đồng cổ đông.

Điều 46. Báo cáo của Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Giám đốc chịu trách nhiệm chỉ đạo lập báo cáo cho Hội đồng quản trị định kỳ hàng quý, sáu tháng, năm về tình hình hoạt động và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty.

2. Hàng tháng, Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo nhanh cho Hội đồng quản trị về tình hình hoạt động của Công ty để có cơ sở cho các thành viên Hội đồng quản trị kiểm tra và giám sát các hoạt động của Công ty.

3. Ngoài ra, trong trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ quyền hạn được giao.

Điều 47. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc

1. Trên cơ sở báo cáo của Giám đốc theo quy định tại Điều 46 và 48 Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của Giám đốc, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.

2. Việc kiểm điểm được lập thành biên bản và được các thành viên Hội đồng quản trị thống nhất thông qua.

Điều 48. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Giám đốc chịu trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị về các vấn đề sau:

a. Tổ chức triển khai và báo cáo đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp khi thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/ Đại hội đồng cổ đông trái quy định pháp luật, trái Điều lệ Công ty hoặc vấn đề không có lợi cho Công ty thì Giám đốc phải báo cáo ngay với Hội đồng quản trị để xem xét điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị/ triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo/ triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo thì:

- Đối với trường hợp phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty: Giám đốc vẫn phải thực hiện, nhưng có quyền báo lưu ý kiến và kiến nghị lên Ban kiểm soát Công ty.

- Đối với trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị trái quy định pháp luật, Điều lệ Công ty mà Hội đồng quản trị không điều chỉnh trong thời hạn nêu trên: Giám đốc có quyền không thực hiện và đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông để xử lý (đề nghị đồng thời được gửi đến Ban kiểm soát được biết), nếu Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày thì Ban kiểm soát triệu tập bất thường Đại hội đồng cổ đông.

- Đối với trường hợp phát hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trái quy định pháp luật, Điều lệ Công ty mà Hội đồng quản trị không triệu tập Đại hội
Quy chế quản trị Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành

đồng cổ đồng trong thời hạn đã nêu trên: Giám đốc có quyền không thực hiện và báo cáo đến Ban kiểm soát để Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nhận được báo cáo.

b. Tình hình thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn đã được phân cấp ủy quyền;

c. Các giao dịch giữa Giám đốc hoặc những người có liên quan tới Giám đốc với: Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát.

d. Báo cáo Hội đồng quản trị sau khi quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của Giám đốc trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, chiến tranh, hỏa hoạn, sự cố...).

2. Cách thức gửi báo cáo:

a. Tất cả các báo cáo của Giám đốc phải là văn bản chính thức, có ký tên, đóng dấu, có nêu rõ ý kiến tham mưu, đề xuất để Hội đồng quản trị có cơ sở xem xét, giải quyết;

b. Báo cáo có thể được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

3. Vấn đề cung cấp thông tin:

a. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.

Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất 24 giờ.

b. Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên có quyền yêu cầu bằng văn bản đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác về việc cung cấp các thông tin và tài liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở:

- Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

- Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông;

- Báo cáo của Giám đốc hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành;

- Thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh;

- Báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính;

- Báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị.

c. Văn bản yêu cầu cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị/ Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên phải nêu rõ: (i) tài liệu, thông tin cần cung cấp; (ii) lý do cần cung cấp thông tin.

Trong trường hợp thành viên Hội đồng quản trị yêu cầu cung cấp thông tin: văn bản này phải có chữ ký phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được gửi đến Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát cùng thời điểm gửi đến Giám đốc.

Trong trường hợp Kiểm soát viên yêu cầu cung cấp thông tin: văn bản yêu cầu cung cấp thông tin phải được đồng thời gửi đến Trường BKS được biết.

d. Sau khi sử dụng thông tin, thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ báo cáo đến Chủ tịch Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên có trách nhiệm báo cáo đến Trường Ban kiểm soát việc sử dụng thông tin đã được cung cấp. Báo cáo này đồng thời được gửi đến Giám đốc được biết.

e. Người yêu cầu cung cấp thông tin có nghĩa vụ bảo mật tuyệt đối các thông tin được cung cấp và các thông tin biết được trong thời gian đàm nhận công việc. Việc tiết lộ các thông tin này chỉ được phép khi có yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc theo quy định pháp luật hoặc được sự đồng ý của Đại hội đồng cổ đông.

f. Người được yêu cầu cung cấp thông tin phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin theo yêu cầu phù hợp với quy định tại Điều này.

Điều 49. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc:

1. Trong trường hợp cấp thiết, Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Người điều hành khác trong Công ty cung cấp các thông tin về hoạt động của Công ty và gửi cho Hội đồng quản trị trước ít nhất 24 giờ. Hội đồng quản trị không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận; riêng đối với nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao dịch trọng yếu, HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày.

3. Các nội dung khác cần ý kiến của Giám đốc, Giám đốc phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày năm (05) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

4. Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho Giám đốc về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, trang thiết bị và thiết lập hành lang pháp lý nội bộ, giúp bộ máy điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao.

5. Ngoài những công việc phải trình Hội đồng quản trị, Giám đốc có quyền chủ động điều hành hoạt động của Công ty theo quy định phân cấp và phù hợp với quy trình làm việc được Hội đồng quản trị ban hành.

6. Trong các vấn đề quan trọng của Công ty như tham gia khảo sát, mở rộng thị trường trong và ngoài nước hoặc đàm phán, ký các hợp đồng vượt quá quyền hạn của Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền đề cử Giám đốc tham dự với tư cách là tư vấn cho Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:

- Những cuộc họp quan trọng có liên quan đến đối mới tổ chức, cơ chế, chính sách, hướng phát triển chung, dài hạn hoặc xử lý những vấn đề đang vướng mắc lớn của Công ty thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc cùng dự hoặc một trong hai chức danh trên tham dự, sau đó thông báo lại cá nhân, bộ phận liên quan (nếu cần thiết).

- Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Hội đồng quản trị, nếu Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham dự thì thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

- Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự.

Điều 50. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:

1. Hội đồng quản trị:

- Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo; biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

- Các Nghị quyết của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát đồng thời với thời điểm gửi thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc;

- Hội đồng quản trị phải tạo điều kiện để Ban kiểm soát của Công ty phát huy tác dụng của công tác kiểm tra, kiểm soát thường xuyên và đột xuất.

- Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra của Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị phải nghiên cứu để có kế hoạch củng cố, chấn chỉnh và căn cứ biện pháp xử lý đối với các đơn vị và cá nhân liên quan và khắc phục các vi phạm sau kiểm tra, kiểm soát của Ban kiểm soát theo quy định của Công ty.

- Trường hợp Quy chế này có quy định khác, các nội dung cần xin ý kiến của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề Hội đồng quản trị phải trình trước Đại hội đồng cổ đông: nếu thông qua hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có ý kiến không thống nhất với Hội đồng quản trị (*thể hiện bằng văn bản riêng hoặc ghi trực tiếp trên tờ trình*), quyết định của Hội đồng quản trị không phụ thuộc vào ý kiến của Ban kiểm soát. Trong trường hợp này, ý kiến không thống nhất, ý kiến của Ban kiểm soát sẽ được bảo lưu và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất, hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên.

2. Ban kiểm soát:

- Thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;

- Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị (cùng lúc yêu cầu cả Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;

- Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của Ban kiểm soát phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn 15 ngày kể từ ngày kết thúc) gửi cho Hội đồng quản trị để có thêm cơ sở giúp Hội đồng quản trị trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, Ban kiểm soát cần phải bàn bạc thống nhất với Hội đồng quản trị, Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trường Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;

- Các nội dung cần xin ý kiến của Ban Kiểm soát, Ban kiểm soát có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.

- Đối với các kiến nghị sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành, Ban kiểm soát phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày so với ngày dự định nhận được phản hồi.

- Trong quá trình thực hiện kiểm tra giám sát của mình, nếu Ban kiểm soát phát hiện ra các vấn đề không đúng hoặc không có lợi cho Công ty hoặc trái với các quy định của pháp luật hiện hành; hoặc các quyết định của Giám đốc và Hội đồng quản trị vượt quá quyền hạn chức trách của mình; hoặc có các vi phạm của các cá nhân Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị đối với lợi ích của Công ty và cổ đông Công ty, thì phải báo ngay với Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nếu các vấn đề đó vẫn không được Chủ tịch Hội đồng quản trị tiếp thu và xử lý kịp thời thì Ban kiểm soát có quyền bảo lưu ý kiến của mình để triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị giải quyết, nếu vấn đề vẫn không được Hội đồng quản trị giải quyết thì Ban kiểm soát có quyền tiếp tục bảo lưu ý kiến của mình để báo cáo với Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên.

CHƯƠNG VIII

QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NHỮNG NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 51. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và những Người điều hành khác

1. Đánh giá hoạt động:

a. Hội đồng quản trị căn cứ kết quả thực hiện định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh, các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch tài chính hàng năm để đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những Người điều hành khác.

b. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.

c. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.

d. Việc đánh giá hoạt động của Người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những Người điều hành này.

2. Khen thưởng và kỷ luật:

Căn cứ vào đánh giá hoạt động trên, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát xem xét khen thưởng, kỷ luật theo thẩm quyền và hình thức tương ứng quy định tại quy chế nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG IX

THÀNH LẬP, HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 52. Thành lập và hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Khi cần thiết Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

2. Tiểu ban nhân sự và tiểu ban lương thưởng phải có ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm trưởng ban.

3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.

4. Khi chưa thành lập các tiểu ban thì Hội đồng quản trị cử thành viên Hội đồng quản trị độc lập phụ trách riêng về từng vấn đề như lương thưởng, nhân sự.

Điều 53. Thư ký Công ty

1. HĐQT có thể bổ nhiệm 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty.

2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:

- Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

- Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

- Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính.

3. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, Quy chế này.

CHƯƠNG X

LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 54. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;

2. Các tiêu chuẩn khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 55. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

Điều 56. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

1. Người quản trị Công ty xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 (một) tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Người quản trị Công ty vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm;

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.
- d. Khi xét thấy cần thiết nhưng không trái quy định pháp luật về lao động.

Điều 57. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người quản trị Công ty trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG XI

NGĂN NGŨA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH VÀ GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN CÓ QUYỀN LỢI LIÊN QUAN ĐẾN CÔNG TY

Điều 59. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Người điều hành

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và người quản lý khác, người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan tới đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Người quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 60. Giao dịch với người có liên quan

1. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty.

3. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 61. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với cộng đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.

2. Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.

CHƯƠNG XII

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 62. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty

1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

Điều 63. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 59 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian ba (03) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các đối tượng nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.

CHƯƠNG XIII

BỔ SUNG, SỬA ĐỔI QUY CHẾ QUẢN TRỊ VÀ NGÀY HIỆU LỰC

Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được Hội đồng quản trị xem xét và trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.

Điều 65. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 13 chương 65 điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm .

2. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị của Công ty ban hành theo Nghị quyết số ngày / / , được Đại hội cổ đông thông qua ngày / / . Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Phạm Thị Thanh Vân

**BẢNG TỔNG HỢP SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC BẾN THÀNH**

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014. - Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010. - Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng. - Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng. - Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2020. 	<p>Căn cứ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020. - Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019. - Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán. - Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thông qua ngày ... tháng ... năm 2022. 	<p>Sửa đổi căn cứ xây dựng Quy chế phù hợp quy định hiện hành.</p>
Điều 1.	Điều 1. Ý nghĩa và phạm vi điều chỉnh	Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	Sửa đổi phù hợp Điều 1 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>31/12/2020 Hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("TT 116/2020/TT-BTC").</p>
	<p>Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty. Quy chế này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty có phân Cấp mức Bến Thành.</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát và người điều hành của Công ty có phân Cấp nước Bến Thành.</p>	<p>Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, tuân thủ nguyên tắc và quy định hiện hành về quản trị công ty.</p> <p>Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông; quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Giám đốc, trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; để cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật</p>	<p>Sửa đổi theo góp ý của DN.</p> <p>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 1 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>Chưa có.</p>	<p>Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị.</p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<u>Ban kiểm soát, Giám đốc và những người liên quan.</u>	
<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt</p>	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. "Quản trị công ty" là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hiệu quả; <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; - Đối xử công bằng giữa các cổ đông; <p>Chưa có.</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Đảm bảo vai trò của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty;</u> - Minh bạch trong hoạt động của Công ty; - <u>Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát lãnh đạo và kiểm soát Công ty có hiệu quả.</u> 	<p>1. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. <u>Quản trị công ty</u> là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo một cơ cấu quản trị hợp lý, hiệu quả; - <u>Bảo đảm hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; nâng cao trách nhiệm của Hội đồng quản trị đối với Công ty và cổ đông;</u> - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông; - Đối xử bình đẳng giữa các cổ đông; - <u>Bảo đảm vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty;</u> - Tôn trọng và bảo đảm vai trò, quyền lợi ích hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan trong quản trị Công ty; - Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng. <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 40 Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 ngày 26/11/2019 ("LCK 2019").</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	c. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;	c. Người điều hành doanh nghiệp là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm bằng nghị quyết/quyết định trong đó ghi nhận rõ là Người điều hành doanh nghiệp;	Sửa đổi phù hợp dự thảo Điều lệ công ty.
	d. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định trong khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán;	d. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán;	Sửa đổi phù hợp điểm 1 khoản 1 Điều 1 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng và người điều hành khác trong Công ty được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.	e. Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ Công ty và Quy chế này.	Sửa đổi linh hoạt theo hướng dẫn chiếu đến Điều lệ công ty.
	f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con	f. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau: - Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó. - Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định; - Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 155 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 ("LDN 2020").

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty (người quản lý công ty xác định theo quy định của Luật doanh nghiệp).</p> <p>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty;</p> <p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>	<p>ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;</p> <p>- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;</p> <p>- Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</p>	
	Chưa có.	g. Hệ thống trực tuyến là ứng dụng/hệ thống phần mềm/webalte mà Công ty sử dụng để phục vụ việc tổ chức ĐHĐCĐ trực tuyến và/hoặc bỏ phiếu điện tử.	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.
	Chưa có.	h. Bỏ phiếu điện tử là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông thực hiện biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc tại nơi lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến.	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.
	Chưa có.	i. Bỏ phiếu truyền thống là việc cổ đông hoặc đại diện ủy quyền của cổ đông tham gia biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời bằng văn bản về Công ty hoặc theo các hình thức khác được quy định tại Điều lệ. Quy chế quản trị Công ty và quy định pháp luật mà không phải hình thức bỏ phiếu điện tử.	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>3. Trong Quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.</p> <p><u>Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Điều lệ và Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Quy chế này.</u></p>	<p><i>Bổ sung để dự phòng các trường hợp thuật ngữ chưa được định nghĩa.</i></p>
CHƯƠNG II	<p>CHƯƠNG II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p>CHƯƠNG II. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 15 Điều lệ Công ty.</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
<p>Điều 3. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, bất thường</p>	<p>Cuộc họp DHDĐ thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức họp trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến. Việc tổ chức theo hình thức họp trực tiếp, hội nghị trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức sẽ do Hội đồng quản trị quyết định dựa vào tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông.</p> <p><u>DHDĐ trực tuyến là DHDĐ được tổ chức thông qua áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để các cổ đông ở các địa điểm</u></p>	<p>Cuộc họp DHDĐ thường niên, bất thường có thể tổ chức theo hình thức Đại hội trực tuyến, Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp cả hai hình thức. Hình thức tổ chức mỗi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa vào tình hình thực tế và thông báo cho cổ đông.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp quy định về DHDĐ trực tuyến được định nghĩa tại dự thảo Điều lệ.</i></p> <p><i>Khái niệm này đã được định nghĩa tại dự thảo Điều lệ.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p><u>khác nhau có thể tham dự Đại hội.</u></p> <p>Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>1. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>2. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Chưa có.</p> <p>3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>4. Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>5. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Công ty quy định về trình tự, thủ tục triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và Điều lệ Công ty, gồm các nội dung chính sau:</p> <p>1. <u>Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>2. <u>Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;</u></p> <p>3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>5. <u>Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);</u></p> <p>6. <u>Yêu cầu quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>8. <u>Điều kiện tiến hành;</u></p> <p>9. <u>Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</u></p> <p>10. Cách thức bỏ phiếu;</p> <p>11. Cách thức kiểm phiếu, đối với những vấn đề mà cổ đông có yêu cầu và Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết thì Công ty sẽ chỉ định tổ chức trung lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu;</p> <p>12. <u>Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;</u></p>	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>6. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</p> <p>7. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>8. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>9. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;</p> <p>10. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>11. Các vấn đề khác.</p>	<p>13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;</p> <p>14. Cách thức phân đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>15. Lập biên bản Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>16. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng;</p> <p>17. Việc Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản;</p> <p>18. Các vấn đề khác.</p>	
	Chưa có.	<p>Điều 4. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p> <p>2. Ban kiểm soát hoặc cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ Công ty và Quy chế này.</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm a khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 4.	<p>Điều 4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không sớm hơn năm (05) ngày làm việc trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p>Điều 5. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội không quá mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông;</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1, 2 Điều 141 LDN 2020, khoản 2 Điều 18 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Công ty công bố thông tin về việc <u>chốt</u> danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày <u>liên</u> trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ <u>thường</u> trú, quốc tịch, số <u>Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác</u> của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p>	<p>2. Công ty công bố thông tin về việc <u>lập</u> danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.</p> <p>3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ <u>liên lạc</u>, quốc tịch, số <u>giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân</u>; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số <u>giấy tờ pháp lý của tổ chức</u>, địa chỉ trụ sở chính <u>đối với cổ đông là tổ chức</u>; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.</p>	
Điều 5.	<u>Điều 5.</u> Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	<u>Điều 6.</u> Thông báo triệu tập, <u>chương trình họp</u> Đại hội đồng cổ đông	<i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
	1. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội, được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp	1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông xác định thời gian và địa điểm tổ chức Đại hội, được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà	<i>Sửa đổi phù hợp Khoản 1, 2 Điều 143 LDN 2020.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi <u>cổ phiếu của Công ty niêm yết</u> , trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty và <u>Hệ thống trực tuyến trong trường hợp cổ tổ chức bỏ phiếu điện tử</u> . Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư).	<i>Bổ sung quy định về DHDCD trực tuyến.</i>
	2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi kèm theo thông báo mời họp cho các cổ đông hoặc đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và <u>Hệ thống trực tuyến trong trường hợp cổ tổ chức bỏ phiếu điện tử</u> . Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.	<i>Bổ sung quy định về DHDCD trực tuyến.</i>
Chưa có.		3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục gửi kiến nghị, chấp nhận hoặc từ chối kiến nghị thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.</u>	<i>Bổ sung phí họp Khoản 2 Điều 142 LDN 2020, điểm đ khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 6.	<u>Điều 6.</u> Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	<u>Điều 7.</u> Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông	Bổ sung phù hợp điểm e khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	Cổ đông đăng ký tham dự ĐHĐCĐ theo các quy định sau đây:	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.
	1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm: b. Ủy quyền đại diện tham dự đại hội: ... Chưa có. c. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.	1. Trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông: Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm: b. Ủy quyền đại diện tham dự đại hội: ... c. <u>Đăng ký trực tuyến (nếu có) theo cách thức đăng ký cụ thể được hướng dẫn tại Thông báo mời họp.</u> d. Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với quy định của pháp luật.	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.
	2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: Chưa có. Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Khoản 1 và 2 Điều 19 Điều lệ Công ty.	2. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông: a. <u>Đối với Đại hội trực tuyến thông và cổ đông đến dự họp trực tiếp:</u> Công ty có trách nhiệm tổ chức đăng ký cổ đông vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông theo đúng quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công ty.	Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến. Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p>b. Đối với Đại hội trực tuyến và cổ đông chỉ tham dự thông qua Hệ thống trực tuyến:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mỗi cổ đông sẽ được cung cấp một tài khoản truy cập và mật khẩu để đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến. Tài khoản truy cập của cổ đông sẽ được mã hóa để đảm bảo xác thực tư cách cổ đông tham dự. Công ty thông báo cho cổ đông tài khoản truy cập và mật khẩu tại Thông báo mời họp. - Các cổ đông đăng ký dự họp theo hình thức trực tuyến sẽ được xác thực tư cách tham dự DHDĐ và được xem là có mặt tại Đại hội nếu đã tuân thủ đúng, đầy đủ các trình tự, cách thức mà Hệ thống trực tuyến yêu cầu để xác thực tư cách cổ đông và đăng ký tham dự. - Cổ đông muốn tham dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến phải đáp ứng các điều kiện quy định tại điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và có nghĩa vụ: <ul style="list-style-type: none"> • Bảo mật các thông tin liên quan đến tài khoản truy cập như: tên, các yếu tố định danh khác (nếu có) của tài khoản truy cập và mật khẩu đăng nhập để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc dự họp trên Hệ thống trực tuyến, trừ trường hợp cung cấp cho người đại diện theo ủy quyền dự họp của cổ đông. Cổ đông có trách nhiệm bảo đảm người đại diện theo ủy quyền sẽ tuân thủ quy định tại khoản này tương tự như cổ đông. • Chịu trách nhiệm về mọi rủi ro, tranh chấp liên quan đến việc dự họp thực hiện bằng tài khoản 	Bổ sung quy định về DHDĐ trực tuyến.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<p>truy cập của cổ đông trên Hệ thống trực tuyến. Việc thực hiện dự họp và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến bằng tên truy cập với đúng mật khẩu và/hoặc các yếu tố định danh khác sẽ được mặc nhiên coi là ý chí của cổ đông.</p> <ul style="list-style-type: none"> • Phải thường xuyên cập nhật thông tin số điện thoại, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thư điện tử chính xác, đầy đủ, trung thực tại nơi lưu ký chứng khoán để đảm bảo nhận được thông báo tái khoản truy cập và chịu hoàn toàn trách nhiệm đối với các thông tin đã đăng ký này. <p>g. Đối với Đại hội tổ chức kết hợp các hình thức quy định tại điểm a và b khoản này:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các cổ đông đến dự họp trực tiếp tại Đại hội sẽ thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm a khoản này. - Các cổ đông chỉ dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông theo quy định tại điểm b khoản này. - Trường hợp cổ đông đã đăng ký dự họp thông qua Hệ thống trực tuyến nhưng vẫn đến dự họp (tức chuyển dự họp trực tiếp thì Công ty tổ chức đăng ký cổ đông như quy định đối với cổ đông đến dự họp trực tiếp. 	
	Chưa có.	<p>3. Ủy quyền tham dự DHDGD: Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp theo quy định Điều 16 của Điều lệ Công ty và quy định pháp luật.</p> <p>a. Đối với ủy quyền dự họp Đại</p>	<p>Bổ sung cơ sở quy định về DHDGD trực tuyến và phù hợp với khoản 2 Điều 144 LDN 2020, khoản 2 Điều 16 Điều lệ</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>hội truyền thống:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền. - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty). <p>b. Đối với ủy quyền dự họp Đại hội trực tuyến trên Hệ thống trực tuyến:</p> <p>Cổ đông có thể ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội trực tuyến theo các quy định sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phải có/nộp Giấy ủy quyền hợp lệ trước khi dự họp. - Hình thức ủy quyền thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản này hoặc hình thức khác do HĐQT quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội. 	<p>mẫu TT 116/2020/TT-BTC và</p>
	<p>Chưa có.</p>	<p><u>Điều 8. Điều kiện tiến hành, hình thức và điều kiện thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</u></p> <p>1. Điều kiện tiến hành Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy</p>	<p>Bổ sung phụ lục điểm h, l, m khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>định tại Điều 19 Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.</p> <p>3. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua theo các điều kiện quy định tại Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 7.	<p>Điều 7. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông và cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p>Điều 9. Việc bỏ phiếu và kiểm phiếu, thông báo kết quả kiểm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông và cách thức phân đôi nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm a khoản 2 Điều 2 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
	<p>I. Cách thức bỏ phiếu: Chưa có.</p>	<p>I. Cách thức bỏ phiếu: Đối với mỗi hình thức tổ chức Đại hội truyền thống hoặc Đại hội trực tuyến hoặc kết hợp, cổ đông có thể biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông theo một trong các hình thức sau đối với mỗi nội dung biểu quyết:</p> <p>a. Bỏ phiếu truyền thống: bỏ phiếu trực tiếp tại Đại hội hoặc ủy quyền cho một người khác hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử);</p> <p>b. Bỏ phiếu điện tử: chỉ thực hiện trong trường hợp người triệu tập Đại hội đồng cổ đông quyết định áp dụng và thông báo đến cổ đông hình thức bỏ phiếu này.</p> <p>Để thực hiện bỏ phiếu điện tử, cổ đông phải đáp ứng các điều kiện để truy nhập và biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến; có thiết bị kết nối internet và thực hiện thủ</p>	<p><i>Bổ sung quy định về DHDGD trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>a. Đối với cổ đông trực tiếp dự họp:</p> <p>- Phiếu biểu quyết: Đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Thư ký đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách đề cử, ứng cử; Thẻ lệ bầu cử (trong trường hợp có bầu cử), Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: <u>Đồng ý</u>, <u>Không đồng ý</u>, <u>Không có ý kiến</u> hoặc <u>Có ý kiến khác</u>.</p> <p>- Thẻ biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • <u>Cổ đông biểu quyết bằng Thẻ biểu quyết</u> đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô <u>Đồng ý</u> hoặc <u>Không đồng ý</u> hoặc <u>Không có ý kiến</u> của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết. • ... <p>Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm, hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn mà cổ đông chưa biểu quyết: nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ</p>	<p>tục xác thực cổ đông (máy tính, máy tính bảng, điện thoại di động, thiết bị điện tử khác,...).</p> <p>a. <u>Bỏ phiếu truyền thống</u> đối với cổ đông <u>đến/ý quyền</u> dự họp <u>trực tiếp</u>:</p> <p>- Phiếu biểu quyết: Được áp dụng đối với các nội dung: Thông qua nhân sự Chủ tọa đoàn, Ban kiểm phiếu; Thẻ lệ làm việc và biểu quyết tại Đại hội; Chương trình làm việc của Đại hội; Quy chế tham gia đề cử, ứng cử; Danh sách đề cử, ứng cử; Thẻ lệ bầu cử (trong trường hợp có bầu cử), Biên bản và Nghị quyết Đại hội và một số nội dung thảo luận phát sinh ngay tại Đại hội cần thống nhất trước khi biểu quyết thông qua. Cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Phiếu biểu quyết theo sự điều khiển của Chủ tọa đoàn để lấy ý kiến biểu quyết: <u>Tán thành</u>, <u>Không tán thành</u>, <u>Không có ý kiến</u> hoặc <u>Có ý kiến khác</u>.</p> <p>- Thẻ biểu quyết:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Được áp dụng đối với các nội dung chính của Đại hội (trừ các vấn đề đã được biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết nêu trên) bằng cách đánh dấu chéo (X) vào ô <u>Tán thành</u> hoặc <u>Không tán thành</u> hoặc <u>Không có ý kiến</u> của từng nội dung được nêu trong Thẻ biểu quyết. • ... <p>• Trường hợp cổ đông biểu quyết nhầm, hoặc thẻ biểu quyết không còn nguyên vẹn mà cổ đông chưa biểu quyết: nếu chưa hết thời gian biểu quyết, cổ đông</p>	<p>Sửa đổi phù hợp định hướng xây dựng quy định về DHDGD trực tuyến.</p> <p>Theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 146 LDN 2020, Thư ký đoàn do chủ tọa cử, không cần DHDGD thông qua.</p> <p>Bổ sung cụm từ "được áp dụng" theo ý kiến DN.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN 2020.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 146 LDN 2020 và ý kiến DN.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>đồng có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.</p>	<p>có thể liên hệ với Ban tổ chức để được cấp lại Thẻ biểu quyết mới và phải nộp lại Thẻ biểu quyết cũ.</p> <p><u>Phiếu bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát</u> thực hiện bằng phiếu bầu cử được phát tại Đại hội đồng cổ đông theo số cổ phần sở hữu của cổ đông.</p> <p>- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội, cổ đông đó phải gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử đã biểu quyết các vấn đề cần lấy ý kiến cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại Thẻ biểu quyết/phiếu bầu cử cho Ban tổ chức, Ban kiểm phiếu xem như cổ đông đó không bỏ phiếu đối với các vấn đề cần lấy ý kiến.</p>	<p><i>Bổ sung đầy đủ các trường hợp biểu quyết.</i></p>
	<p>b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:</p> <p>Chưa có.</p>	<p>b. Bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:</p> <p>- <u>Mỗi cổ đông đăng nhập vào Hệ thống trực tuyến thông qua tài khoản truy cập mà cổ đông được cung cấp tại Thông báo mời họp và thực hiện bỏ phiếu trên Hệ thống trực tuyến. Hướng dẫn cụ thể việc thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ được quy định tại Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông hoặc Hướng dẫn sử dụng Hệ thống trực tuyến.</u></p> <p><u>Khi thực hiện bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống trực tuyến, cổ đông phải tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7 Quy chế này.</u></p> <p>- <u>Cổ đông thực hiện quyền biểu quyết, bầu cử thông qua hình thức bỏ phiếu điện tử tại Hệ</u></p>	<p><i>Bổ sung quy định về DHDCT trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		<p>thông trực tuyến như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Biểu quyết thông qua các nội dung về thủ tục tổ chức cuộc họp và các quyết định của Đại hội đồng cổ đông: cổ đông thực hiện theo hướng dẫn tại phần Biểu quyết trên Hệ thống trực tuyến. • Đối với nội dung bầu cử Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát: thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến theo phương thức quy định tương tự như bầu cử trực tiếp. <ul style="list-style-type: none"> - Cổ đông có thể thay đổi kết quả biểu quyết, bầu cử hoặc có thể biểu quyết, bầu cử bổ sung cho những nội dung phát sinh. Kết quả bỏ phiếu điện tử hình thức điện tử khác chỉ ghi nhận kết quả biểu quyết, bầu cử cuối cùng của cổ đông tại thời điểm kết thúc bỏ phiếu do Ban kiểm soát thông báo tại Đại hội đồng cổ đông. Kể từ thời điểm kết thúc bỏ phiếu đối với từng nội dung xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông, Hệ thống trực tuyến sẽ được khóa lại và cổ đông không thể thực hiện biểu quyết, bầu cử đối với nội dung đã bị khóa. - Thời gian cổ đông có thể truy cập Hệ thống trực tuyến để thực hiện bỏ phiếu điện tử sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và thông báo cho cổ đông cùng với tài liệu Đại hội. - Việc bỏ phiếu điện tử có thể thực hiện trước khi Đại hội đồng cổ đông diễn ra và/hoặc theo diễn tiến tại Đại hội đồng cổ đông theo quyết định của Hội đồng quản trị. - Việc ủy quyền bỏ phiếu điện tử của cổ đông (nếu có) sẽ thực hiện 	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Việc bỏ phiếu sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	<p>theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 7 Quy chế này.</p> <p>- Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông thực hiện bỏ phiếu theo cả hai hình thức đối với cùng một nội dung biểu quyết, hình thức bỏ phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu biểu quyết truyền thông sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.</p> <p>- Các nội dung khác về việc bỏ phiếu sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.</p>	
	<p>c. Bỏ phiếu trong trường hợp ĐHDCD tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến:</p> <p>- Các cổ đông thực hiện biểu quyết tại địa điểm mà cổ đông tham dự đại hội tương tự quy định tại điểm a Khoản này hoặc một hình thức khác do HĐQT xây dựng và trình ĐHDCD thông qua.</p>	<p>c. Bỏ phiếu trong trường hợp ĐHDCD tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến:</p> <p>- Trường hợp Công ty không tổ chức bỏ phiếu điện tử, các cổ đông thực hiện biểu quyết tại địa điểm mà cổ đông tham dự đại hội tương tự quy định tại điểm a khoản này hoặc một hình thức khác do HĐQT xây dựng và trình ĐHDCD thông qua.</p>	<p><i>Bổ sung rõ hơn quy định về bỏ phiếu.</i></p>
<p>2. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>c. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p> <p>d. Trường hợp bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:</p> <p>...</p> <p>Trường hợp ĐHDCD tổ chức theo hình thức kết hợp bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác theo quy định, việc kiểm</p>	<p>2. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>c. Đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p> <p>d. Trường hợp bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác:</p> <p>...</p> <p>g. Trường hợp ĐHDCD tổ chức theo hình thức kết hợp bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác theo quy định, việc kiểm</p>	<p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p> <p><i>Tách nội dung thành 1 điều khoản riêng đảm bảo tính rõ</i></p>	

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	phiếu phải đảm bảo thống kê đầy đủ các thông tin về số phiếu biểu quyết của tổng các cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác.	phiếu phải đảm bảo thống kê đầy đủ các thông tin về số phiếu biểu quyết của tổng các cổ đông tham gia bỏ phiếu điện tử và hình thức bỏ phiếu khác.	<i>ràng hơn.</i>
	<p>3. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ; số phiếu biểu quyết và tỉ lệ % phiếu biểu quyết trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và các nội dung khác theo quy định pháp luật;</p> <p>c. Việc công bố kết quả kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 21 Điều lệ Công ty.</p>	<p>3. Thông báo kết quả kiểm phiếu</p> <p>a. Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, tổng số phiếu biểu quyết không hợp lệ; số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến và tỉ lệ % phiếu biểu quyết từng loại trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp và các nội dung khác theo quy định pháp luật;</p> <p>c. Việc công bố kết quả kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo quy định tại Khoản 6 Điều 22 Điều lệ Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung rõ hơn quy định về kiểm phiếu và cập nhật ý kiến DN.</i></p> <p><i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i></p>
	<p>4. Cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 23 Điều lệ Công ty.</p>	<p>4. Cách thức phân đôi quyết định của Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Thực hiện theo quy định tại Điều 24 Điều lệ Công ty.</p>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.</i>
Điều 8.	<p>Điều 8. Lập biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông</p>	<p>Điều 10. Lập biên bản và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông</p> <p>1. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải có nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu</p>	<p><i>Bổ sung phù hợp điểm g khoản 1 Điều 150 LDN 2020, điểm g khoản 1 Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>dự họp;</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ và gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>biểu quyết của cổ đông dự họp;</p> <p>3. Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông. Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông và có thể gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp. Biên bản họp ĐHĐCĐ, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua, văn bản ủy quyền tham dự và tài liệu liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 1, 5 Điều 150 LDN 2020, Điều 23 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>4. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:</p> <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định, công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ</p>	<p>4. Thông báo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ra công chúng:</p> <p>Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố thông tin theo quy định, công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ thời</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điểm c khoản 1 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	ngày cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc.	điểm thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.	Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán
Điều 9.	Điều 9. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	Điều 11. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên	
	1. Hội đồng quản trị phải lập Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.	1. Hội đồng quản trị phải lập Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi phù hợp Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán (NĐ 155/2020/NĐ-CP).
	2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm: a. Đánh giá tình hình hoạt động của Công ty trong năm tài chính; c. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; Chưa có.	2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm: Hủy bỏ. b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị; c. Báo cáo về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn Điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên độc lập giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch; d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị; e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị	
	Chưa có.		
	Chưa có.		

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Kết quả giám sát đối với Giám đốc điều hành;</p> <p>e. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>f. Định hướng hoạt động của Công ty và các kế hoạch trong tương lai.</p> <p>g. Báo cáo về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>h. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>(nếu có).</p> <p>f. Kết quả giám sát đối với Giám đốc;</p> <p>g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;</p> <p>h. Các kế hoạch trong tương lai.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	
Điều 10.	<p>Điều 10. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Ban kiểm soát phải lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên.</p> <p>2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:</p> <p>...</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Điều 12. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên</p> <p>1. Ban kiểm soát phải lập Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Nội dung báo cáo tối thiểu phải bao gồm:</p> <p>...</p> <p>c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;</p> <p>d. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 290 ND 155/2020/NĐ-CP.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>d. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>g. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông.</p> <p><u>f. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng Kiểm soát viên.</u></p>	<p>trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</p> <p>g. Kết quả giám sát đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;</p> <p>l. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và cổ đông.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	
Điều 11.	<p>Điều 11. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 143 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</p> <p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc của cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p>	<p>Điều 13. Thẻ thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</p> <p>1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến của cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, kể cả các vấn đề quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:</p> <p>e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông</p> <p>Trường hợp gửi thư, Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức,</p>	<p>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp LDN 2020.</p> <p>Bổ sung phù hợp điểm a khoản 4 Điều 149 LDN 2020, điểm a khoản 4 Điều 22 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu, trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác: Việc biểu quyết của cổ đông sẽ được thực hiện theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty đã được DHDGD thông qua</p> <p>Chưa có.</p> <p>l. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (kể cả trường hợp lấy ý kiến cổ đông theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác);</p> <p>Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của</p>	<p>Phiếu lấy ý kiến gửi <u>thư</u> về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu; trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, <u>bỏ phiếu điện tử/các hình thức điện tử khác</u> thì phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung Phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở, bị công bố trước thời điểm kiểm phiếu đều không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>Trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác: Việc biểu quyết của cổ đông sẽ được thực hiện <u>trên hệ thống trực tuyến tương tự quy định tại điểm b khoản 2 Điều 7, điểm b khoản 1 Điều 9 Quy chế này và theo hướng dẫn tại Quy chế bỏ phiếu điện tử của Công ty đã được DHDGD thông qua.</u></p> <p><u>Trường hợp Công ty tổ chức biểu quyết theo nhiều hình thức, cổ đông chỉ được lựa chọn 1 hình thức biểu quyết. Trường hợp cổ đông bỏ phiếu theo nhiều hình thức thì phiếu điện tử sẽ được ưu tiên lựa chọn và phiếu ý kiến theo hình thức khác sẽ không được tính vào kết quả biểu quyết.</u></p> <p>l. Kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu (kể cả trường hợp lấy ý kiến cổ đông theo hình thức bỏ phiếu điện tử/hình thức điện tử khác);</p> <p><u>Thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ Công</u></p>	<p><i>BTC.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDGD trực tuyến.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDGD trực tuyến.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDGD trực tuyến.</i></p> <p><i>Sửa đổi quy định theo hướng dẫn chiếu đến Điều lệ công ty để tránh lặp lại</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Ban kiểm soát hoặc chủ sở hữu không phải là người điều hành doanh nghiệp.	ty.	nội dung và lĩnh vực hoạt động hơn trong sửa đổi.
CHƯƠNG III	CHƯƠNG III. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	CHƯƠNG III. VAI TRÒ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THỦ LẠO CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	Bổ sung phù hợp khoản 1, 3 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định.	Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 12.	Điều 12. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị	Điều 14. Nhiệm kỳ, số lượng, cơ cấu và tiêu chuẩn Thành viên Hội đồng quản trị	Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm a, b khoản 2 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	1. Số lượng, nhiệm kỳ, cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty.	
	1. Thành viên Hội đồng quản trị cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty. Cơ cấu HĐQT cần đảm bảo sự cân đối giữa các thành viên có kiến thức, kinh nghiệm về cấp nước, pháp luật, tài chính.	2. Thành viên Hội đồng quản trị cần đáp ứng các tiêu chuẩn theo Khoản 4 Điều 25 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ. Hủy bỏ nội dung không còn được ghi nhận theo quy định mới.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật cấm làm thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u>	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.</u>	<i>Hủy bỏ nội dung trùng lặp đã được quy định bao hàm tại khoản 2 Điều này.</i>
Điều 13.	<u>Điều 13. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 24 Điều lệ Công ty.	<u>Điều 15. Cách thức đề cử người và ứng cử vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông có quyền góp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo Khoản 2 Điều 25 Điều lệ Công ty.	<i>Khoản 5 Điều 115 LDN 2020 đã không còn quy định về thời hạn nắm giữ tối thiểu. Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</i>
	<u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.</u>	<u>3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều lệ Công ty hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Hội đồng quản trị xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật.</u>	<i>Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 274 ND 155/2020/ND-CP, khoản 3 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 14.	<u>Điều 14. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 16. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị	
			<i>Sửa đổi, bổ sung phù hợp</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>(trong trường hợp đã xác định được trước các ứng viên) được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: ...</p> <p>2. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, trung thành và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>(trong trường hợp đã xác định được trước các ứng cử viên) phải được công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến các ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố tối thiểu bao gồm: ...</p> <p>2. Các ứng cử viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p><i>khoản 1 Điều 25 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 1 Điều 274 ND 155/2020/ND-CP.</i></p>
<p>Điều 15.</p>	<p>Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>5. Trong trường hợp chỉ có bầu bổ sung một thành viên Hội đồng quản trị và chỉ có một ứng cử viên ứng cử hoặc để cử vào Hội đồng quản trị. Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Điều 17. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>5. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu. Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên;</p> <p>6. Phiếu bầu trong trường hợp bỏ phiếu điện tử hình thức điện tử khác thực hiện theo hướng dẫn tại phần Bầu cử trên Hệ thống trực tuyến hoặc quy chế, quy định khác của Công ty được</p>	<p><i>Sửa đổi theo ý kiến của DN để phù hợp với thực tế phát sinh và thuận tiện hơn cho công tác thực hiện.</i></p> <p><i>Bổ sung quy định về DHDĐ trực tuyến.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		DHDCD thông qua.	
Điều 16.	<u>Điều 16</u> , Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	<u>Điều 18</u> , <u>Bàn, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Hội đồng quản trị</u>	Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm đ, h khoản 2 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều 25 Điều lệ Công ty.	Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quy định tại Điều 29 và Điều 30 Điều lệ Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ Công ty; được bầu, bổ sung theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.
Điều 18.	<u>Điều 18</u> , Quyền của thành viên HĐQT Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.	<u>Điều 20</u> , Quyền của thành viên HĐQT Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty.	Bổ sung đầy đủ quy định tham chiếu về quyền của thành viên HĐQT.
	<u>Điều 19</u> , Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT 1. Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật có liên quan, 2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi của cổ đông và Công ty. 3. Thành viên HĐQT phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về	<u>Điều 21</u> , Trách nhiệm và nghĩa vụ của thành viên HĐQT Thành viên HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty và các nghĩa vụ sau: 1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và Công ty. 2. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến về các	Bổ sung đầy đủ quy định tham chiếu về quyền của thành viên HĐQT. Sửa đổi, bổ sung phù hợp khoản 5 Điều 41 LCK 2019; khoản 2 Điều 277 ND 155/2020/ND-

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>các vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p><u>4. Thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo đầy đủ và kịp thời cho Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà thành viên đó là người đại diện phần vốn góp của Công ty.</u></p> <p>Chưa có.</p> <p><u>5. Thành viên HĐQT và những người có liên quan của thành viên HĐQT khi thực hiện giao dịch có phiếu của Công ty phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.</u></p> <p><u>6. Thành viên HĐQT có thể đề nghị HĐQT xem xét trình DHDGD chấp thuận mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.</u></p>	<p>vấn đề được đưa ra thảo luận.</p> <p><u>3. Báo cáo đầy đủ và kịp thời với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác,</u></p> <p><u>4. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.</u></p> <p><u>5. Thực hiện công bố thông tin về việc giao dịch này theo quy định của pháp luật.</u></p> <p>Hủy bỏ.</p>	<p>CP.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	6. Thành viên HĐQT độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT.	
	Chưa có.	<u>Điều 22. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị</u> 1. Thành viên Hội đồng quản trị được nhận thủ lao, thưởng cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ Công ty. 2. Thành viên HĐQT có thể đề nghị HĐQT xem xét trình ĐHĐCĐ chấp thuận mua bảo hiểm trách nhiệm cho các thành viên HĐQT. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 3 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 20.	<u>Điều 20. Các hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị</u> 2. Lấy ý kiến bằng văn bản: a. Chủ tịch HĐQT gửi Phiếu lấy ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước năm (05) ngày trước ngày lấy biểu quyết.	<u>Điều 23. Các hình thức lấy ý kiến Hội đồng quản trị</u> 2. Lấy ý kiến bằng văn bản: a. Chủ tịch HĐQT gửi Phiếu lấy ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu giải trình đến các thành viên HĐQT ít nhất trước ba (03) ngày làm việc trước ngày lấy biểu quyết.	Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 157 LDN 2020; khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 21.	<u>Điều 21. Thông báo họp Hội đồng quản trị</u>	<u>Điều 24. Các cuộc họp Hội đồng quản trị và và thông báo họp Hội đồng quản trị</u>	Bổ sung phù hợp điểm a, b khoản 4 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập, Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 157 LDN 2020, khoản 1 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một (01) lần.</p>	<p>2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị thường kỳ, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 157 LDN 2020, khoản 2 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập các cuộc họp bất thường khi thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:</p> <p>a. Giám đốc điều hành hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;</p>	<p>3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 3, 4 Điều 157 LDN 2020, khoản 3, 4 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>b. Ít nhất hai (02) thành viên điều hành Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát.</p> <p>d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p>	<p>b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;</p> <p>c. Ban kiểm soát.</p> <p>d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị.</p>	
	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều này có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại khoản 3 Điều này phải được triệu tập trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị triệu tập cuộc họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức cuộc họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 157 LDN 2020, khoản 5 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Hủy bỏ.</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể được</p>	<p>5. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng phải xác định cụ thể thời gian, địa điểm họp, chương trình, các vấn đề cần thảo luận và quyết</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 157 LDN 2020, khoản 6 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu biểu quyết cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>định. Thông báo mời họp phải kèm theo những tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên,</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.</p>	
	Chưa có.	<p>6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p>	<p><i>Bổ sung phí họp khoản 7 Điều 157 LDN 2020, khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>
Điều 22.	Điều 22. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 25. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	
	<p>1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</p> <p>2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu</p>	<p>1. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</p> <p>2. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ</p>	<p><i>Sửa đổi phí họp khoản 8 Điều 157 LDN 2020; khoản 8 Điều 30 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	hại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.	
Điều 23.	Điều 23, Cách thức biểu quyết	Điều 26, Cách thức biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị	
	Chưa có.	<p>1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;</p> <p>b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều 157 Luật doanh nghiệp;</p> <p>c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;</p> <p>d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;</p> <p>e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác quy định tại Quy chế này và Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.</p> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<i>Bổ sung phụ lục khoản 9 Điều 157 LDN 2020.</i>
	1. Trừ quy định khoản 2 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy	2. Trừ quy định khoản 3 Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phụ lục</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.	quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết.	<i>đự thảo Quy chế.</i>
	<u>2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</u>	<u>3. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 291 ND 155/2020/ND-CP.</i>
	<u>3. Theo quy định tại khoản 4 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. ...</u>	<u>4. Theo quy định tại khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng việc tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị có liên quan, những vấn đề phát sinh đó được chuyển tới cho chủ tọa cuộc họp quyết định. ...</u>	<i>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</i>
	<u>4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 4 Điều 39 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</u>	Hủy bỏ.	<i>Điều lệ mẫu ban hành kèm TT 116/2020/TT-BTC không còn ghi nhận nội dung này.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 24.	<p>Điều 24. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Điều 27. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 12 Điều 157 LDN 2020.</p>
Điều 25.	<p>Điều 25. Ghi biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ khi chuyển đi. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và phải có chữ ký của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp hoặc Biên bản được lập thành nhiều bản và mỗi biên bản có chữ ký của ít nhất một (01) thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp.</p>	<p>Điều 28. Biên bản và Nghị quyết Hội đồng quản trị</p> <p>1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó. Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt (có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài) và phải có chữ ký của chủ toạ và người ghi biên bản. Trường hợp chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả các thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định của Luật Doanh nghiệp đối với trường hợp này, thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ toạ, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ toạ, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung phù hợp điểm k khoản 4 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC; khoản 6 Điều 7 Luật số 03/2022/QH15 ngày 11/01/2022 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của luật đầu tư công, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư, luật đầu tư, luật nhà ở, luật đấu thầu, luật điện lực, luật doanh nghiệp, luật thuế tiêu thụ đặc biệt và luật thi hành án dân</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.	sr.
	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị và Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	2. Biên bản họp Hội đồng quản trị, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và Nghị quyết Hội đồng quản trị phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 4 Điều 158 LDN 2020.
CHƯƠNG V.	CHƯƠNG V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BAI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	CHƯƠNG V. BAN KIỂM SOÁT	Sửa đổi tên chương phù hợp Điều 4 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của người quản lý, người điều hành và hoạt động của Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu, tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 4 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 27.	Điều 27. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên	Điều 30. Tiêu chuẩn của Kiểm soát viên	
	Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; ---	Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây: 1. Các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp. ---	Sửa đổi theo hướng tham chiếu đến LDN 2020 và bổ sung tiêu chuẩn phù hợp khoản 2 Điều 286 ND 155/2020/ND-CP.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>5. Không được giữ các chức vụ quản lý Công ty; không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và những Người điều hành khác của Công ty.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>Hủy bỏ.</p> <p>5. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;</p> <p>6. Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;</p> <p>7. Tiêu chuẩn khác theo quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát (nếu có).</p>	
Điều 28.	<p>Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vị trí Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 24 Điều lệ Công ty và quy định sau đây:</p> <p>Các cổ đông có quyền góp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 3% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 50% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.</p>	<p>Điều 31. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử vị trí Kiểm soát viên</p> <p>1. Việc ứng cử, đề cử Kiểm soát viên được thực hiện tương tự quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi theo hướng tham chiếu đến Điều lệ công ty.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Ban kiểm soát xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.	2. Trường hợp số lượng các ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên đáp ứng tiêu chuẩn Kiểm soát viên hoặc tổ chức đề cử thêm theo cách thức mà Ban kiểm soát xét thấy phù hợp với đặc điểm Công ty hoặc cơ chế khác quy định tại Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Quy chế bầu cử. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.	Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 285 ND 155/2020/ND-CP; khoản 2 Điều 36 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 29.	Điều 29. Thể thức bầu cử Kiểm soát viên Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 15 Quy chế này.	Điều 32. Thể thức bầu cử Kiểm soát viên Việc bầu Kiểm soát viên thực hiện tương tự việc bầu thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.	Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Điều lệ.
Điều 30.	Điều 30. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ sung thành viên Kiểm soát viên Thành viên Ban kiểm soát không còn tư cách Kiểm soát viên trong các trường hợp quy định tại Điều 36 Điều lệ Công ty.	Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp quy định tại Điều 37 Điều lệ Công ty.	Sửa đổi phù hợp điểm đ khoản 2 Điều 4 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 32.	Điều 32. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty 1. Theo đề nghị của Giám đốc điều hành, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành do HĐQT quyết định tùy	Điều 35. Tiêu chuẩn Người điều hành Công ty 1. Theo đề nghị của Giám đốc, HĐQT sẽ quyết định bộ máy quản lý và tuyển dụng Người điều hành cần thiết. Tiêu chuẩn, số lượng Người điều hành do HĐQT quyết định tùy theo từng	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 34 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	theo từng thời điểm. Người điều hành phải có <u>sự miễn căn cứ thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.</u>	thời điểm. Người điều hành phải có <u>trách nhiệm hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</u>	
	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc điều hành, Phó Giám đốc điều hành:</p> <p>...</p> <p>a. <u>Cổ đông là cá nhân sở hữu ít nhất 5% số cổ phần phổ thông hoặc người khác thì phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;</u></p> <p>d. Không đồng thời là Người điều hành ở doanh nghiệp khác.</p> <p>e. Không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người quản lý công ty mẹ có phần vốn góp, cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và người đại diện phần vốn Nhà nước tại công ty mẹ nêu trên.</p>	<p>3. Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc, Phó Giám đốc:</p> <p>...</p> <p>a. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty;</p> <p>d. Không đồng thời là Người điều hành ở doanh nghiệp khác.</p> <p>e. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của Công ty và công ty mẹ; lệ và người đại diện phần vốn Nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ nêu trên.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp điểm c khoản 5 Điều 162 LDN 2020.</i></p> <p><i>Tiêu chuẩn này hiện nay LDN 2020 chỉ bắt buộc đối với GD/TGD doanh nghiệp nhà nước (khoản 5 Điều 101 LDN 2020)</i></p> <p><i>Sửa đổi phù hợp điểm b khoản 5 Điều 162 LDN 2020.</i></p>
	<p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng:</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại</p>	<p>4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kế toán trưởng:</p> <p>b. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ trình độ đại</p>	<p><i>Theo quy định tại Điểm d khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất 05 năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật kế toán.</p> <p>c. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty.</p>	<p>học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất 05 năm và có chứng chỉ kế toán trưởng theo đúng quy định của pháp luật kế toán.</p> <p>c. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty.</p>	<p><i>năm 2015, khoản 5 Điều 21 ND 174/2016/ND-CP Quy định chi tiết một số điều của Luật kế toán: thời gian công tác thực tế chỉ yêu cầu thời hạn 2 năm => DN đề nghị giữ nguyên quy định 5 năm.</i></p> <p><i>Bổ sung phù hợp điểm a khoản 1 Điều 54 Luật Kế toán năm 2015;</i></p>
<p>Điều 33.</p>	<p>Điều 33, Bổ nhiệm Người điều hành</p> <p>1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc một người khác làm Giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ của Giám đốc do HĐQT quy định cụ thể không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</p> <p>2. Những Người điều hành khác (Phó Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, ...) do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Giám đốc điều hành. Nhiệm kỳ những Người điều hành này do HĐQT quy định cụ thể nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p>Điều 36, Bổ nhiệm Người điều hành</p> <p>1. HĐQT sẽ bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Giám đốc. Nhiệm kỳ của Giám đốc do HĐQT quy định cụ thể nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm sẽ hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>2. Những Người điều hành khác (Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, ...) do HĐQT phê chuẩn theo đề nghị của Giám đốc. Nhiệm kỳ những Người điều hành này do HĐQT quy định cụ thể nhưng không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 1, 2 Điều 162 LCN 2020, khoản 1, 3 Điều 35 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC và ý kiến DN.</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 35.	<u>Điều 35</u> , Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành	<u>Điều 38</u> , Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành</u>	<i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 2 Điều 5 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC</i>
	2. Người điều hành khác sẽ do HĐQT xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Giám đốc điều hành.	2. Người điều hành khác sẽ do HĐQT xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm theo đề nghị của Giám đốc hoặc trên cơ sở giám sát, đánh giá của HĐQT.	<i>Bổ sung quy định để thêm căn cứ thực hiện cho DN.</i>
	Chưa có.	3. Hợp đồng lao động đối với Người điều hành có thể chấm dứt trong các trường hợp sau đây: a. Người điều hành không còn đáp ứng các tiêu chuẩn đối với Người điều hành doanh nghiệp; b. Người điều hành không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm Điều lệ, nội quy, quy chế của Công ty, vi phạm pháp luật thuộc các trường hợp chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định của Công ty và quy định pháp luật; c. Chấm dứt hợp đồng lao động theo thỏa thuận của các bên hoặc các trường hợp khác phù hợp với quy định pháp luật về lao động.	<i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 2 Điều 5 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC. (DN có thể xem xét bổ sung thêm các trường hợp khác hoặc điều chỉnh nội dung dự thảo).</i>
Điều 36.	<u>Điều 36</u> , Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người điều hành phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.	<u>Điều 39</u> , Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành</u> Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, <u>chấm dứt hợp đồng lao động đối với Người điều hành</u> phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về doanh nghiệp, chứng khoán.	<i>Bổ sung phù hợp điểm d khoản 2 Điều 5 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	Chưa có.	<u>Điều 40. Quyền và nghĩa vụ, tiền lương và lợi ích khác của Người điều hành Công ty</u> Thực hiện theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.	Bổ sung phù hợp điểm e khoản 2 Điều 5 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 37.	<u>Điều 37. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	<u>Điều 41. Người đại diện theo pháp luật của Công ty</u>	
	2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.	2. Người đại diện theo pháp luật phải cư trú ở Việt Nam và phải ủy quyền bằng văn bản cho cả nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật khi xuất cảnh khỏi Việt Nam. Trường hợp này, người đại diện theo pháp luật vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.	Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 12 LDN 2020.
	4. Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau: - Người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, trục xuất, trách nhiệm hình sự, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự.	4. Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty trong các trường hợp sau: - Người đại diện theo pháp luật bị chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhân thân, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định,	Bổ sung, sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 12 LDN 2020.
	5. Trong một số trường hợp đặc biệt, Tòa án có thẩm quyền có	5. Tòa án, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng khác có	Sửa đổi phù hợp khoản 7 Điều 12

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật trong quá trình tố tụng tại Tòa án.	quyền chỉ định người đại diện theo pháp luật tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.	LDN 2020.
	<p>6. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật,</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thành với lợi ích của Công ty; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác. 	<p>6. Quyền hạn và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty:</p> <p>a. Đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.</p> <p>b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác; - Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình và/hoặc người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. 	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 12 LDN 2020.</p> <p>Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 13 LDN 2020.</p>
	Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản này.	Người đại diện theo pháp luật chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho Công ty do vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm quy định tại điểm b khoản 6 Điều này.	Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 13 LDN 2020.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 38.	<u>Điều 38.</u> Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và <u>Giám đốc điều hành</u>	<u>Điều 42.</u> Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và <u>Giám đốc</u>	
	1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp và <u>thông báo kết quả buổi họp</u> phải được gửi đến các Kiểm soát viên và <u>Giám đốc điều hành</u> cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	1. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và các tài liệu kèm theo, biên bản họp, <u>nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị</u> phải được gửi đến các Kiểm soát viên và <u>Giám đốc</u> cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.	<i>Sửa đổi phù hợp điểm a, b khoản 1 Điều 171 LDN 2020.</i>
	6. Ngoài các cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi xét thấy cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp mở rộng ... với các điều kiện sau: b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc <u>phương tiện khác</u> , nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, <u>Giám đốc điều hành</u> và các thành viên được triệu tập được đăng ký tại Công ty; c. .. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: - Các vấn đề đã được thông qua; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với nội	6. Ngoài các cuộc họp của Hội đồng quản trị, khi xét thấy cần thiết Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp mở rộng ... với các điều kiện sau: b. Thông báo mời họp được gửi bằng <u>giấy mời</u> , fax, <u>phương tiện điện tử</u> hoặc <u>phương thức khác</u> , nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị, các Kiểm soát viên, <u>Giám đốc</u> và các thành viên được triệu tập được đăng ký tại Công ty; c. .. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có các nội dung chủ yếu sau đây: - Các vấn đề đã được thông qua <u>và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng</u> ; - Họ, tên, chữ ký chủ tọa, người ghi biên bản và tất cả thành viên hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp. <u>Trường hợp chủ tọa, thư ký hoặc thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi lý do thì biểu quyết của thành viên đó</u>	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 6 Điều 157 LDN 2020.</i> <i>Sửa đổi trên cơ sở tham khảo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 158 LDN 2020.</i> <i>Bổ sung đầy đủ các trường hợp từ chữ ký biên bản.</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.</p> <p>d. Căn cứ nội dung biên bản họp, Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Thông báo kết quả cuộc họp của Hội đồng quản trị được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.</p>	<p>đổi với nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị, <u>hiệu lực của biên bản không bị ảnh hưởng</u>.</p> <p>d. Căn cứ nội dung biên bản họp, Thư ký phối hợp các bộ phận liên quan soạn thảo Thông báo kết quả cuộc họp để ký, ban hành theo đúng thể thức văn bản. Thông báo kết quả cuộc họp được ký, ban hành trong thời hạn không chậm hơn 05 (năm) ngày làm việc kể từ khi kết thúc cuộc họp.</p>	<p>Sửa đổi tên gọi biên bản họp chính xác hơn.</p>
Điều 41.	<p><u>Điều 41</u>, Các trường hợp <u>Giám đốc điều hành</u> và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>2. Những vấn đề cần xin/ lấy ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Quyết định các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định Khoản 3, 4 Điều 26 Điều lệ công ty.</p>	<p><u>Điều 45</u>, Các trường hợp <u>Giám đốc</u> và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị</p> <p>2. Những vấn đề cần xin/ lấy ý kiến Hội đồng quản trị:</p> <p>a. Quyết định các công việc kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.</p>	<p>Bổ sung đầy đủ quy định tham chiếu.</p>
Điều 43.	<p><u>Điều 43</u>, Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với <u>Giám đốc điều hành</u></p> <p>1. Trên cơ sở báo cáo của <u>Giám đốc điều hành</u> theo quy định tại <u>Điều 42 và 44</u> Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của <u>Giám đốc điều hành</u>, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và</p>	<p><u>Điều 47</u>, Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với <u>Giám đốc</u></p> <p>1. Trên cơ sở báo cáo của <u>Giám đốc</u> theo quy định tại <u>Điều 46 và 48</u> Quy chế này và Báo cáo kết quả giám sát của Ban kiểm soát đối với hoạt động của <u>Giám đốc</u>, Hội đồng quản trị tổ chức kiểm điểm về việc thực hiện Nghị quyết và các vấn đề ủy quyền</p>	<p>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp dự thảo Quy chế.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc điều hành.	khác của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc.	
Điều 44.	Điều 44. Các vấn đề Giám đốc điều hành phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	Điều 48. Các vấn đề Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	
	<p>3. Vấn đề cung cấp thông tin:</p> <p>b. Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên có quyền yêu cầu bằng văn bản đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành và người điều hành khác về việc cung cấp các thông tin và tài liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị; - Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị; - Báo cáo của Giám đốc điều hành; 	<p>3. Vấn đề cung cấp thông tin:</p> <p>b. Ban kiểm soát/ Kiểm soát viên có quyền yêu cầu bằng văn bản đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác về việc cung cấp các thông tin và tài liệu, bao gồm nhưng không giới hạn ở:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp cùng tài liệu liên quan, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo; - Biên bản, Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông; - Báo cáo của Giám đốc hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành; 	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 171 LDN 2020.
Điều 45.	Điều 45. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	Điều 42. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc	
	<p>2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc điều hành đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận.</p>	<p>2. Các vấn đề thuộc thẩm quyền Hội đồng quản trị phê duyệt theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty mà được Giám đốc đề xuất phải được Hội đồng quản trị phản hồi trong vòng bảy (07) ngày hoặc một thời hạn khác do các bên thỏa thuận; <u>tiếng đối với nội dung phê chuẩn giao dịch với Người có liên quan hoặc Giao</u></p>	Bổ sung phù hợp khoản 2 Điều 167 LDN 2020.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
		địch trong yếu. HĐQT phải phản hồi bằng văn bản trong thời hạn mười lăm (15) ngày.	
	<p>7. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc điều hành hoặc Phó Giám đốc điều hành tham dự, sau đó thông báo lại cho Hội đồng quản trị, nếu Giám đốc điều hành hoặc Phó Giám đốc điều hành không tham dự thì thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc điều hành. - Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự. 	<p>7. Đối với các cuộc họp mời Công ty tham dự, trừ những trường hợp mời đích danh thì tùy theo tính chất cuộc họp để phân công cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Những cuộc họp liên quan đến chủ trương chính sách trước mắt hoặc điều hành thì Giám đốc hoặc Phó Giám đốc tham dự, sau đó thông báo lại cho Hội đồng quản trị, nếu Giám đốc hoặc Phó Giám đốc không tham dự thì thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự sau đó thông báo lại cho Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. - Các cuộc họp khác do Giám đốc quyết định cử người tham dự. 	<i>Cập nhật chức danh phù hợp cơ cấu công ty.</i>
Điều 46.	Điều 46. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Điều 50. Quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	
	<p>Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>I. Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời gian gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành; <p>---</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các nội dung cần xin ý kiến 	<p>Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát:</p> <p>I. Hội đồng quản trị:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo: biên bản cuộc họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc; <p>---</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trừ trường hợp Quy chế này có quy định khác, các nội dung cần 	<p><i>Bổ sung phù hợp khoản 1 Điều 171 LDN 2020.</i></p> <p><i>Bổ sung để làm</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>- Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề Hội đồng quản trị phải trình trước Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị sẽ quyết định trước khi có ý kiến của Ban kiểm soát <u>từ trình</u> <u>hoặc ghi trực tiếp trên văn bản</u> <u>hoặc ghi trực tiếp trên tờ trình</u>. Quyết định của Hội đồng quản trị không phụ thuộc vào ý kiến của Ban kiểm soát, trong trường hợp ý kiến không thống nhất, ý kiến của Ban kiểm soát sẽ được báo lưu và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên.</p>	<p>xin ý kiến của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm phản hồi trong vòng ngày bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu.</p> <p>- Đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các vấn đề Hội đồng quản trị phải trình trước Đại hội đồng cổ đông: nếu thông qua hoạt động giám sát, Ban kiểm soát có ý kiến không thống nhất với Hội đồng quản trị <u>thể hiện bằng văn bản riêng hoặc ghi trực tiếp trên tờ trình</u>, quyết định của Hội đồng quản trị không phụ thuộc vào ý kiến của Ban kiểm soát. Trong trường hợp này, ý kiến không thống nhất, ý kiến của Ban kiểm soát sẽ được báo lưu và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông gần nhất, hoặc trong trường hợp cần thiết có thể triệu tập họp Đại hội cổ đông bất thường để giải quyết vấn đề nêu trên.</p>	<p><i>rõ hơn quy định hiện nay.</i></p> <p><i>Sửa đổi theo góp ý của DN.</i></p>
Điều 47.	<p>Điều 47. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc điều hành</u> và những Người điều hành khác</p>	<p>Điều 51. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động, khen thưởng, kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, <u>Giám đốc</u> và những Người điều hành khác</p>	
	<p>1. Đánh giá hoạt động:</p> <p>b. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức</p>	<p>1. Đánh giá hoạt động:</p> <p>b. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và kết quả sản xuất kinh doanh và các quy định của Điều lệ, Quy chế của Công ty, Hội đồng quản trị tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên Hội đồng quản trị.</p> <p>c. Việc đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên được tổ chức</p>	<p><i>Ghi nhận chung là Quy chế của công ty để bao hàm các quy định nội bộ.</i></p> <p><i>Bổ sung thêm cơ sở đánh giá</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát.	thực hiện theo phương thức được đề cập tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát hoặc có thể đưa vào bản tự đánh giá hoạt động của Kiểm soát viên.	<i>hoạt động của Kiểm soát viên.</i>
Điều 48.	Điều 48. Thành lập và hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	Điều 52. Thành lập và hoạt động của tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	
	1. Khi cần thiết Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.	1. Khi cần thiết Hội đồng quản trị thành lập các tiểu ban để hỗ trợ hoạt động của Hội đồng quản trị, bao gồm tiểu ban chính sách phát triển, tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban đặc biệt khác theo quy định tại Điều lệ công ty.	<i>Sửa đổi theo hướng dẫn chiếu chung đến Điều lệ công ty.</i>
	3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.	3. Hội đồng quản trị quy định chi tiết về việc thành lập, cơ cấu, tiêu chuẩn, điều kiện, trách nhiệm của các tiểu ban và trách nhiệm của từng thành viên.	<i>Bổ sung phù hợp khoản 6 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.</i>
Điều 49.	Điều 49. Thư ký Công ty	Điều 53. Thư ký Công ty	
	1. HĐQT có thể cử 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty (hoặc Thư ký HĐQT Công ty). Thư ký Công ty phải là người có kiến thức về pháp luật. Thư ký Công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.	1. HĐQT có thể bổ nhiệm 1 hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty.	<i>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 156 LDN 2020. Bổ tiêu chuẩn về Thư ký công ty để thuận tiện hơn cho DN (tiêu chuẩn này sẽ ghi nhận đối với Người phụ trách quản trị công ty).</i>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, BKS và DHCD theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS; - Tham dự các cuộc họp; - Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; - Đảm bảo các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp; - Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT, BKS. <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p> <p>Chưa có.</p>	<p>2. Thư ký Công ty có nhiệm vụ:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, ghi chép các biên bản họp; - Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao; - Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty; - Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính. 	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 136 LDN 2020.</p>
Điều 50.	<p><u>Điều 50</u>, Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p>	<p><u>Điều 54</u>, Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty</p>	
	<p>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Có hiểu biết về pháp luật; 2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc 	<p>Người phụ trách quản trị Công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:</p> <p>Hủy bỏ.</p> <ul style="list-style-type: none"> 1. Không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được 	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 281 ND 155/2020/ND-CP; khoản 2 Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	<u>chấp thuận</u> đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;	kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
Điều 51.	<u>Điều 51.</u> Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	<u>Điều 55.</u> Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	
	Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty <u>được tiến hành một cách có hiệu quả.</u> Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.	Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại Công ty. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 281 ND 155/2020/ND-CP; khoản 1 Điều 32 Điều lệ mẫu ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC.
	Chưa có.	<u>Điều 58. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty</u> Thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.	Bổ sung phù hợp điểm d khoản 7 Điều 3 Mẫu Quy chế nội bộ về quản trị công ty ban hành kèm theo TT 116/2020/TT-BTC
Điều 54.	<u>Điều 54.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Người điều hành	<u>Điều 52.</u> Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và Người điều hành	
	I. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc, Người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.	I. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, thành viên Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác phải công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.	Sửa đổi phù hợp khoản 1 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC. <u>Ghi chú:</u> Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không ràng buộc trách

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<p>nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN đề nghị ghi nhận cả "người điều hành khác" và "người quản lý khác" để đảm bảo tính chặt chẽ cho việc thực hiện.</p>
	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Người điều hành và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.</p>	<p>2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người liên quan tới các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 2 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p> <p>Lưu ý: Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không còn ràng buộc trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận cả "người điều hành khác" và "người quản lý khác" để đảm bảo tính chặt chẽ cho việc thực hiện.</p> <p>(thống nhất với khoản 2 Điều 42 dự thảo Điều lệ).</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và <u>Người điều hành khác</u> có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.</p>	<p>3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc và <u>người quản lý khác, người điều hành khác</u> có nghĩa vụ thông báo <u>bằng văn bản</u> cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan tới đối tượng đó theo quy định của pháp luật. <u>Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận</u>, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc nghị quyết Hội đồng quản trị thông qua các giao dịch này <u>theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin</u>.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp khoản 3 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC, khoản 3 Điều 291 ND 155/2020/ND-CP.</i></p> <p><i>Ghi chú: Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu chỉ quy định trách nhiệm đối với "người quản lý khác".</i></p> <p><i>Tuy nhiên, khoản 4 Điều 290 ND 155/2020/ND-CP yêu cầu BKS phải báo cáo DHDGD thường niên về cả giao dịch của "Người điều hành khác" với DN, hoặc với công ty con, công ty do DN nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" (vào sau cụm "người quản lý khác") để thuận tiện cho việc theo dõi và áp dụng quy định.</i></p> <p><i>(thống nhất với khoản 3 Điều 42</i></p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
			<i>đề thảo Điều lệ).</i>
	<p>4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 26 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.</p>	<p>4. Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, <u>Người quản lý khác</u>, người điều hành khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.</p>	<p>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp quy định hiện hành.</p> <p><u>Ghi chú:</u> Quy định tại khoản 4 Điều 293 ND 155/2020/ND-CP không ràng buộc trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" (vào sau cụm "người quản lý khác") để đảm bảo tính chặt chẽ cho việc thực hiện.</p>
	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên Hội đồng quản trị đó theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với các giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 4 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-BTC.</p>
	<p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, Người điều hành khác và những người có liên</p>	<p>6. Các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Ban Giám đốc, người quản lý khác, người điều hành khác và những người</p>	<p>Sửa đổi phù hợp khoản 5 Điều 47 Điều lệ mẫu TT 116/2020/TT-</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác hay để thực hiện các giao dịch có liên quan.	có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.	BTC. <i>Lưu ý:</i> Quy định tại khoản này của Điều lệ mẫu không ràng buộc trách nhiệm của "người điều hành khác" mà chỉ quy định đối với "người quản lý khác" => DN ý kiến ghi nhận thêm "người điều hành khác" (vào sau cụm "người quản lý khác") để đảm bảo tính chặt chẽ khi thực hiện. (thống nhất với khoản 5 Điều 42 dự thảo Điều lệ).
Điều 55.	<p>Điều 55. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>2. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các giao dịch, mua bán, giá cả hàng hóa, dịch vụ của Công ty.</p> <p>4. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 26 Nghị định số</p>	<p>Điều 60. Giao dịch với người có liên quan</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>3. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan, trừ trường hợp được phép theo quy định tại Điều 29 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP</p>	<p>Hủy bỏ phù hợp Điều 292 ND 155/2020/ND-CP.</p> <p>Sửa đổi điều khoản tham chiếu phù hợp quy định hiện hành.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 Hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng.	ngày 31/12/2020 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.	
Điều 56.	<p>Điều 56. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty</p> <p>1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của những người có quyền lợi liên quan đến Công ty, bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, công đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.</p> <p>2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:</p> <p>a. Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng, và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;</p> <p>b. Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát.</p> <p>Chưa có.</p> <p>3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với công đồng và xã hội.</p>	<p>Điều 61. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>Hủy bỏ.</p> <p>1. Công ty phải thực hiện trách nhiệm với công đồng và người có quyền lợi liên quan đến Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Công ty phải tuân thủ các quy định của pháp luật về lao động, môi trường và xã hội.</p>	<p>Sửa đổi phù hợp Điều 294 ND 155/2020/NĐ-CP.</p>

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
Điều 57.	Điều 57. Công bố thông tin về quản trị Công ty	Điều 62. Báo cáo và công bố thông tin về quản trị Công ty	
	1. Công ty công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	1. Công ty phải báo cáo về tình hình quản trị Công ty tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và công bố thông tin trong Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	Sửa đổi, bổ sung phù hợp Điều 297 ND 155/2020/ND-CP.
	2. Công ty báo cáo định kỳ sáu (06) tháng và công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.	2. Công ty có nghĩa vụ báo cáo và công bố thông tin về tình hình quản trị công ty định kỳ sáu (06) tháng theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.	
Chưa có.	3. Công ty có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị Công ty.		
Điều 58.	Điều 58. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành	Điều 63. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc	
	Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 54 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc điều hành có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và công bố thông tin về giao dịch theo quy định pháp luật trong các trường hợp sau: 1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là thành viên hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 59 Quy chế này, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát trong các trường hợp sau: 1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.	Sửa đổi, hủy bỏ phù hợp Điều 299 ND 155/2020/ND-CP.

ĐIỀU	QUY CHẾ HIỆN HÀNH	DỰ THẢO QUY CHẾ ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG	LÝ DO SỬA ĐỔI
	<p>2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc điều hành hoặc cổ đông lớn.</p> <p>3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.</p>	<p>2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người có liên quan của các đối tượng nêu trên là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) hoặc cổ đông lớn.</p> <p>Hủy bỏ.</p>	
Điều 59.	<p>Điều 59. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.</p>	<p>Điều 64. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị</p> <p>2. Trong trường hợp có những quy định của Điều lệ và quy định pháp luật có liên quan đến quy chế quản trị của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty.</p>	<p><i>Bổ sung đầy đủ hơn các trường hợp thay đổi quy định điều chỉnh quy chế.</i></p>
Điều 60.	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 13 chương 60 điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 28 tháng 5 năm 2020.</p> <p>2. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị của Công ty ban hành theo Nghị quyết số 047/NQ-CNBT-HĐQT ngày 26/10/2016, được Đại hội cổ đông thông qua ngày 19/4/2018. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p>Điều 65. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Quy chế này gồm 13 chương 65 điều được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày... tháng... năm 2022.</p> <p>2. Quy chế này thay thế cho Quy chế quản trị của Công ty ban hành theo Nghị quyết số... ngày... được Đại hội cổ đông thông qua ngày... Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.</p>	<p><i>Sửa đổi phù hợp dự thảo Quy chế.</i></p>

Trong Quy chế này:

- 1. Các số thứ tự điều khoản, tham chiếu điều khoản, số lượng điều khoản sẽ tự động được cập nhật sau khi dự thảo Quy chế và Điều lệ được thông qua;*
- 2. Các sai sót về tham chiếu, đánh số thứ tự điều khoản của Quy chế hiện hành (nếu có) sẽ được tự động cập nhật lại sau khi dự thảo Quy chế được thông qua mà không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp;*
- 3. Chức danh "Giám đốc điều hành" sẽ được thay đổi thành "Giám đốc" nếu được DHDCD thông qua, không cần ghi nhận chi tiết vào bảng tổng hợp.*
- 4. Ngoài các điều khoản thay đổi Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công Ty đã tổng hợp nêu trên để trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 thông qua. Các điều khoản khác không được đề cập và không thuộc trường hợp nêu tại mục 1, 2 sẽ giữ nguyên không thay đổi.*

MỤC LỤC

Chương I:	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị.....	3
Chương II:.....	4
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	4
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị.....	5
Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	5
Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	7
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị.....	7
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị .	8
Chương III:	9
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	9
Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị.....	9
Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch.....	10
Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường.....	11
Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị	12
Chương IV:	12
CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	12
Điều 15. Trình tự tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị.....	12
Điều 16. Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản.....	13
Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị.....	17
Điều 19. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.....	18
Điều 20. Chuyển, nhận và lưu trữ hồ sơ làm việc của Hội đồng quản trị.....	18
Chương V:	18
BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH	18
Điều 21. Trình báo cáo hằng năm.....	18
Điều 22. Thủ lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	19

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan	20
Chương VI:	20
MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	20
Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị	20
Điều 25. Mối quan hệ với ban điều hành.....	21
Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát.....	25
Chương VII:	26
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	26
Điều 27. Hiệu lực thi hành	26

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("Luật Chứng khoán").
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("Luật Doanh nghiệp").
- Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("ND 155/2020/ND-CP").
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/ND-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("TT 116/2020/TT-BTC").
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành thông qua ngày tháng năm 2022
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2022

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, cá nhân, đơn vị có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.
2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:
 - a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;
 - d. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;
 - e. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - f. Nghiên cứu, đánh giá tình hình, kết quả hoạt động và đóng góp vào việc xây dựng phương hướng phát triển, kết quả hoạt động kinh doanh trong từng thời kỳ của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Giám đốc, Phó giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.
2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có từ 03 đến 11 thành viên. Số lượng cụ thể được quy định tại Điều lệ công ty.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng, quyền, nghĩa vụ, cách thức tổ chức và phối hợp hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
 - c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác;
 - d. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
 - b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ Công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
 - d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
 - e. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
 - f. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty và quy định pháp luật.
 - g. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên độc lập Hội đồng quản trị kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên độc lập Hội đồng quản trị không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên độc lập Hội đồng quản trị có liên quan.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Chủ tịch Hội đồng quản trị do các thành viên Hội đồng quản trị bầu bằng thể thức bầu trực tiếp và bỏ phiếu kín. Trong trường hợp các ứng cử viên Hội đồng quản trị có phiếu bầu ngang nhau thì ứng cử viên sở hữu hoặc đại diện sở hữu số cổ phần phổ thông cao hơn sẽ được chọn.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Chịu trách nhiệm chung mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, phân công nhiệm vụ và kiểm tra các thành viên thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng quản trị đã được quy định trong Điều lệ Công ty;
 - g. Ký ban hành các nghị quyết, quyết định và các văn bản của Hội đồng quản trị;
 - h. Ủy quyền cho các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện một số công việc thuộc phạm vi nhiệm vụ và quyền hạn của mình và chịu trách nhiệm về sự ủy quyền đó;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.
5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b. Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

- c. Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;
- d. Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
- e. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - b. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật.
3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.
4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
 - b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;
 - c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

- a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.
 3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
 4. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Hội đồng quản trị cần bầu, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên.
 5. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);

- e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
 - c. Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;
 - d. Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;
 - e. Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán;
 - f. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
 - g. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - h. Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;
 - i. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc và người điều hành khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
 - j. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

- k. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này;

Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho Giám đốc Công ty quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ của Công ty không liên quan đến tiền lương, tiền thưởng, chế độ phúc lợi.

- l. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m. Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n. Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
- o. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p. Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; quyết định ban hành Quy chế về công bố thông tin của Công ty;
- q. Sử dụng bộ máy nhân sự và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý hoạt động điều hành Công ty;
- r. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các quy định khác của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 (mười hai) tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:
- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
 - Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty và quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
 - b. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c. Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d. Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - f. Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - g. Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
 - h. Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp tình hình Công ty, có thể bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Tùy vào thực tế nhân sự của công ty, các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

CHƯƠNG IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Trình tự tổ chức phiên họp Hội đồng quản trị

1. Chuẩn bị phiên họp :

- a. Sau khi các nội dung của phiên họp Hội đồng quản trị đã được Chủ tịch Hội đồng quản trị phê duyệt, Thư ký công ty/Người phụ trách quản trị công ty thông báo đến các chủ thể được phân công để chuẩn bị các nội dung, tài liệu trình bày tại phiên họp. Văn bản chứa đựng các nội dung của phiên họp do các chủ thể được phân công chuẩn bị phải được gửi đến Thư ký công ty/Người phụ trách quản trị công ty trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được sự phân công để Thư ký công ty/Người phụ trách quản trị công ty tổng hợp và trình Chủ tịch Hội đồng quản trị.
- b. Sau khi xem xét các hồ sơ, tài liệu phục vụ nội dung phiên họp, Chủ tịch Hội đồng quản trị ký thông báo mời họp. Thư ký công ty/Người phụ trách quản trị công ty gửi thông báo mời họp đến các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và những nhân sự khác tham dự phiên họp (nếu có) theo đúng thời hạn quy định.
- c. Các thành viên hội đồng quản trị có trách nhiệm dành thời gian để nghiên cứu trước các tài liệu họp, chuẩn bị các nội dung cần trình bày theo yêu cầu hoặc cần góp ý tại phiên họp và tham dự họp đúng thời gian quy định.

2. Tiến hành phiên họp:

- a. Thảo luận trong phiên họp:
 - Bắt đầu phiên họp, chủ tọa thông báo các nội dung cần xem xét, thảo luận và thông qua tại phiên họp.
 - Trưởng họp có ý kiến bổ sung nội dung vào chương trình họp đã thông báo, nội dung kiến nghị được chỉnh sửa bổ sung vào chương trình họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trong trường hợp số

phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Các thành viên được phân công chuẩn bị các nội dung tại phiên họp trình bày nội dung được phân công chuẩn bị theo thứ tự nội dung mà Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thông báo.
- Việc thảo luận có thể được tiến hành sau mỗi nội dung của chương trình họp hoặc sau khi đã trình bày toàn bộ nội dung.
- Chủ tọa có thể mời những người được mời tham gia phiên họp phát biểu ý kiến theo từng nội dung cụ thể có liên quan đến chuyên môn, nghiệp vụ hoặc lĩnh vực hoạt động của họ.

b. Tổng hợp ý kiến và thực hiện biểu quyết:

- Sau khi đã nghe các ý kiến đóng góp, thảo luận của các thành viên Hội đồng quản trị và những người tham gia phiên họp, chủ tọa sẽ tổng hợp các ý kiến đóng góp, thảo luận và yêu cầu các thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết. Việc biểu quyết được thực hiện thông qua một trong hai hình thức: biểu quyết bằng tay hoặc bỏ phiếu kín. Căn cứ vào tính chất, đặc điểm và tầm quan trọng của vấn đề, nội dung phải biểu quyết, việc lựa chọn hình thức biểu quyết sẽ do Chủ tọa đề nghị và được Hội đồng quản trị đồng ý.
- Những người được mời tham gia phiên họp nhưng không phải là thành viên Hội đồng quản trị thì không được quyền tham gia biểu quyết.
- Căn cứ trên kết quả biểu quyết, chủ tọa kết luận thống nhất ý kiến cho từng nội dung của phiên họp. Kết quả biểu quyết cho từng nội dung của phiên họp được ghi vào phần kết luận của phần nội dung đó tại biên bản họp.
- Các nội dung, ý kiến thống nhất tán thành sẽ là cơ sở để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định chính thức để tổ chức thực hiện.

3. Kết thúc phiên họp:

- a. Căn cứ vào nội dung phiên họp và các kết quả biểu quyết cho các nội dung tại phiên họp, Thư ký cuộc họp tổng hợp và thể hiện đầy đủ trên biên bản phiên họp.
- b. Biên bản phiên họp phải có đầy đủ các nội dung theo quy định pháp luật và phải có đầy đủ chữ ký của chủ tọa, thư ký và/hoặc các thành viên Hội đồng quản trị tham dự phiên họp theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy định pháp luật.
- c. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ các bản gốc tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 16. Tổ chức lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản

- 1. Hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được áp dụng để giải quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị, do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến và được thực hiện trong những trường hợp sau:
 - a. Giải quyết các vấn đề theo đề nghị của Giám đốc Công ty nhằm đảm bảo cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được liên tục, những thời gian cần

giải quyết vấn đề này nằm trong khoảng thời gian giữa hai phiên họp thường kỳ của Hội đồng quản trị;

- b. Lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị về các vấn đề có liên quan đến hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Công ty, nhưng không cần thiết triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đi công tác hoặc vì sự kiện bất khả kháng nên không thể tham gia phiên họp của Hội đồng quản trị, nhưng buộc phải có ý kiến của thành viên này đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định, giải quyết của Hội đồng quản trị;
- d. Trường hợp ở phiên họp trước, Hội đồng quản trị quyết định một vấn đề nào đó sẽ giải quyết bằng việc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản.

2. Cách thức thực hiện:

- a. Đối với việc lấy ý kiến để giải quyết các vấn đề theo đề nghị của Giám đốc Công ty và các vấn đề có liên quan đến việc quản lý của Hội đồng quản trị đối với hoạt động của Công ty:
 - Giám đốc Công ty trình Chủ tịch Hội đồng quản trị vấn đề cần lấy ý kiến của Hội đồng quản trị kèm theo những hồ sơ, tài liệu có liên quan đến việc cần lấy ý kiến.
 - Sau khi xem xét hồ sơ, Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị "phiếu lấy ý kiến biểu quyết", trong đó nêu rõ:
 - Nội dung cần lấy ý kiến biểu quyết;
 - Các hồ sơ, tài liệu có liên quan đến vấn đề cần lấy ý kiến được gửi kèm theo tờ trình của Giám đốc Công ty;
 - Các quy định hiện hành về thẩm quyền phê duyệt;
 - Đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc lấy ý kiến biểu quyết;
 - Thời hạn để lấy ý kiến biểu quyết.
 - Kèm theo "phiếu lấy ý kiến biểu quyết" là "phiếu biểu quyết" ghi rõ việc "tán thành" hay "không tán thành" hay "không có ý kiến" đối với vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết, đồng thời có thêm mục "lý do không tán thành" (nếu có) để các thành viên Hội đồng quản trị thể hiện ý kiến của mình đối với vấn đề cần lấy ý kiến biểu quyết (nếu có).
 - "Phiếu lấy ý kiến biểu quyết" phải được Thư ký công ty gửi ngay đến các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị khi nhận được "phiếu lấy ý kiến biểu quyết" phải có trách nhiệm nghiên cứu các hồ sơ, tài liệu có liên quan để thực hiện việc biểu quyết của mình tại "phiếu biểu quyết", đồng thời gửi phiếu biểu quyết về cho thư ký công ty trong thời gian quy định.
 - Thời hạn để lấy ý kiến biểu quyết trong trường hợp này là không quá 15 ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị gửi "phiếu lấy ý kiến biểu quyết" đến các thành viên Hội đồng quản trị.

- Sau khi tiếp nhận "phiếu biểu quyết" của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Thư ký công ty tiến hành kiểm phiếu biểu quyết trước sự chứng kiến của Trưởng Ban kiểm soát Công ty hoặc một thành viên trong Ban kiểm soát do Trưởng Ban kiểm soát chỉ định. Kết quả kiểm phiếu phải được thể hiện tại biên bản kiểm phiếu và phải có chữ ký của Thư ký công ty và một đại diện của Ban kiểm soát như đã nêu trên.
 - Biên bản kiểm phiếu biểu quyết này là cơ sở để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định chính thức để tổ chức thực hiện.
- b. Đối với trường hợp thành viên Hội đồng quản trị đi công tác hoặc vì sự kiện bất khả kháng nên không thể tham gia phiên họp của Hội đồng quản trị, nhưng buộc phải có ý kiến của thành viên này đối với các vấn đề lấy ý kiến:
- Thành viên không thể tham gia phiên họp của Hội đồng quản trị phải để phiếu biểu quyết hoặc văn bản ý kiến của mình về những vấn đề cần lấy ý kiến trong một phong bì dán kín và gửi đến cho Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Thư ký công ty chậm nhất là 01 giờ trước giờ khai mạc phiên họp.
 - Phiếu biểu quyết hoặc văn bản ý kiến của thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt trong trường hợp này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
- c. Lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp ở phiên họp trước, Hội đồng quản trị quyết định một vấn đề nào đó sẽ giải quyết bằng văn bản:
- Trong trường hợp này, Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định thời hạn đóng góp ý kiến bằng văn bản hoặc biểu quyết đối với một vấn đề cần lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị nghiên cứu hồ sơ, tài liệu có liên quan và gửi ý kiến đóng góp hoặc biểu quyết về cho Thư ký công ty trong thời gian quy định.
 - Sau khi tiếp nhận những ý kiến đóng góp hoặc biểu quyết của tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Thư ký công ty cũng tiến hành kiểm phiếu biểu quyết hoặc ý kiến đóng góp và lập biên bản có chữ ký của Thư ký công ty và một đại diện của Ban Kiểm soát.
 - Biên bản nêu trên là cơ sở để Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị ban hành nghị quyết, quyết định chính thức để tổ chức thực hiện.
 - Việc biểu quyết hoặc lấy các ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng quản trị có hiệu lực thực hiện nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết theo quy định của Điều lệ Công ty tán thành. Trong trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau hoặc có nhiều ý kiến khác nhau nhưng không có ý kiến đa số thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
3. Hồ sơ lấy ý kiến Hội đồng quản trị bằng văn bản cũng được gửi đến cho các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 17. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng

quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất trong phiên bầu cử Hội đồng quản trị triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:
 - d. Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
 - e. Có đề nghị của Giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
 - f. Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
 - g. Trường hợp khác do Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty quy định.
4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.
7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.
8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
 - Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
 - Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.
10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 (một) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.
11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 18. Biên bản họp Hội đồng quản trị

- Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.
- Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa,

người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty do từ chối ký biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.
4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 19. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

1. Căn cứ biên bản họp của Hội đồng quản trị hoặc biên bản kiểm phiếu, phiếu đóng góp ý kiến (đối với trường hợp tổ chức lấy ý kiến không thông qua họp Hội đồng quản trị), thư ký Hội đồng quản trị soạn thảo các nghị quyết, quyết định trình Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị căn cứ nhiệm vụ và quyền hạn của mình để thay mặt Hội đồng quản trị ký ban hành các nghị quyết, quyết định trên.
2. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị thay mặt Hội đồng quản trị, căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn của mình để ký các quyết định mang tính hành chính để giải quyết các công việc, sự vụ thường nhật có liên quan đến thẩm quyền Hội đồng quản trị (đảm bảo đã được thông qua đúng thẩm quyền).
3. Các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị phải được gửi tới các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các phòng, ban, đội của Công ty có liên quan để triển khai thực hiện và kiểm tra, giám sát việc thực hiện.
4. Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị có tính chất bắt buộc thi hành đối với toàn Công ty.

Điều 20. Chuyển, nhận và lưu trữ hồ sơ làm việc của Hội đồng quản trị

1. Hồ sơ làm việc của Hội đồng quản trị phải được chuyển, nhận và lưu trữ theo quy định về công tác văn thư, lưu trữ tại Công ty.
2. Các hồ sơ, tài liệu và văn bản gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị phải được lưu 01 bản tại Thư ký công ty.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 21. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:
 - a. Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính;

- c. Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
 - d. Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.
2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.
 3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 (một) năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 22. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.
3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.
4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.
6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 23. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cũng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

CHƯƠNG VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.
2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế này.
3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 25. Mọi quan hệ với ban điều hành

1. Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.
2. Hội đồng quản trị phân cấp thẩm quyền quyết định cho Giám đốc đối với các vấn đề quan trọng như sau:

- a. Đối với các dự án đầu tư xây dựng cơ bản (bao gồm các dự án phát triển, các dự án lắp đặt hệ thống cấp nước mới thay thế hệ thống cũ hư hỏng, cải tạo mạng lưới cấp nước):

Giám đốc được quyền quyết định đầu tư, phê duyệt các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị thông qua và ký các hợp đồng về xây dựng cơ bản có giá trị dưới 15 (mười lăm) tỷ đồng Việt Nam. Hội đồng quản trị có thể thay đổi giá trị hợp đồng xây dựng cơ bản đã phân cấp cho Giám đốc theo quy định tại điểm này phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật, nhưng phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị về thay đổi giá trị phân cấp nêu trên được đính kèm Quy chế này để theo dõi, thực hiện và được xem là một phần cập nhật của Quy chế mà không cần sửa đổi trực tiếp giá trị phân cấp nêu tại điểm này. Trường hợp tổng giá trị tài sản của công ty giảm xuống dẫn đến 15 tỷ đồng Việt Nam lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, thẩm quyền quyết định sẽ thuộc về Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty.

Giám đốc có trách nhiệm báo cáo tình hình thực hiện các dự án đầu tư xây dựng cơ bản trong danh mục đầu tư xây dựng cơ bản đã được Hội đồng quản trị thông qua trong phiên họp gần nhất.

- b. Đối với các hợp đồng kinh tế:
 - i. Đối với các hợp đồng, giao dịch theo quy định phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty.
 - ii. Trừ trường hợp quy định tại tiết i điểm này, đối với các giao dịch, hợp đồng kinh tế, mua sắm vật tư, phụ tùng, trang thiết bị, hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của đơn vị:

Giám đốc Công ty được quyền quyết định và phê duyệt việc thực hiện các giao dịch, các hợp đồng kinh tế, dự án mua sắm vật tư, phụ tùng, trang thiết bị, hàng hoá phục vụ sản xuất kinh doanh và công tác quản lý của đơn vị có giá trị dưới 05 (năm) tỷ đồng Việt Nam. Hội đồng quản trị có thể thay đổi giá trị hợp đồng, giao dịch, dự án đã phân cấp cho Giám đốc theo quy định tại điểm này phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật, nhưng phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị về thay đổi giá trị phân cấp nêu trên được đính kèm Quy chế này để theo dõi, thực hiện và được xem là một phần cập nhật của Quy chế mà không cần sửa đổi trực tiếp giá trị phân cấp nêu tại điểm này.

- c. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, vì vậy mọi hợp đồng do Giám đốc đại diện để ký với các khách hàng, đối tác và các cá thể có liên quan.
- Đối với các hợp đồng liên quan đến những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị thì Giám đốc chỉ được ký sau khi có sự phê duyệt chấp thuận của Hội đồng quản trị.
 - Các hợp đồng có liên quan đến những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị, nhưng đã được phân cấp cho Giám đốc quyết định thì Giám đốc ký kết mà không cần sự phê duyệt của Hội đồng quản trị.
- d. Đối với việc nhượng, bán, thế chấp, thanh lý tài sản, bù đắp tổn thất:
- Việc nhượng, bán, thế chấp, thanh lý tài sản, bù đắp tổn thất phải được Hội đồng quản trị phê duyệt thông qua và Giám đốc tổ chức thực hiện. Đối với các tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong năm báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Giám đốc quyết định việc nhượng, bán vật tư có giá trị không quá 100 (một trăm) triệu đồng; đồng thời báo cáo cho Hội đồng quản trị trong phiên họp gần nhất. Hội đồng quản trị có thể thay đổi giá trị hợp đồng, giao dịch đã phân cấp cho Giám đốc theo quy định tại điểm này phù hợp với tình hình thực tế của Công ty và quy định pháp luật, nhưng phải báo cáo lại Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất. Nghị quyết/quyết định của Hội đồng quản trị về thay đổi giá trị phân cấp nêu trên được đính kèm Quy chế này để theo dõi, thực hiện và được xem là một phần cập nhật của Quy chế mà không cần sửa đổi trực tiếp giá trị phân cấp nêu tại điểm này. Trường hợp tổng giá trị tài sản của công ty giảm xuống dẫn đến 100 triệu đồng lớn hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, thẩm quyền quyết định sẽ thuộc về Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ công ty.
- e. Đối với việc phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh:
- Hội đồng quản trị thông qua và báo cáo Đại hội đồng cổ đông kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm, trung hạn và dài hạn của Công ty.
 - Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sản xuất kinh doanh chi tiết trong năm.
 - Giám đốc Công ty tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh sau khi Hội đồng quản trị phê duyệt.
- f. Đối với công tác nhân sự, lao động, tiền lương:
- Hội đồng quản trị quyết định:
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người đại diện phần vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác (nếu có);
 - Quyết định năng lương, nâng bậc cho Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và người điều hành khác theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Quyết định ban hành Quy chế trả lương – trả thưởng cho Cán bộ - Công nhân viên (CB - CNV) Công ty theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty;
- Giám đốc chủ động quyết định:
 - Phương án tổ chức và điều hành Công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật đối với các chức danh Trưởng phòng, ban, đội Công ty trở xuống;
 - Quyết định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đội trong Công ty, văn phòng đại diện (nếu có) sau khi được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
 - Ký hợp đồng lao động; điều động và sử dụng lao động theo quy định của pháp luật lao động;
 - Quyết định nâng lương, nâng bậc cho CB - CNV trong Công ty từ cấp Trưởng, Phó phòng, ban, đội trở xuống; ký hợp đồng và chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đối tượng này.
- g. Đối với việc áp dụng các chi phí được cơ cấu trong Hợp đồng mua bán xi nước sạch liên quan đến chế độ cho người lao động;

Giám đốc có trách nhiệm và được quyền quyết định áp dụng các chi phí được cơ cấu trong Hợp đồng mua bán xi nước sạch liên quan đến chế độ cho người lao động theo mức chi phí được thoả thuận ký kết giữa Công ty và Tổng Công ty Cấp nước Sài Gòn.

3. Thẩm quyền chuẩn bị trình xét thông qua các vấn đề quan trọng:

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề cần xem xét, thảo luận và thông qua tại phiên họp Hội đồng quản trị như sau:
 - Chương trình công tác của Hội đồng quản trị;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật Giám đốc, các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những Người điều hành khác;
 - Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị;
 - Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của Công ty đối với các trường hợp mua lại cổ phần thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị;
 - Các vấn đề khác quy định tại điều 27 của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty mà chưa được ghi nhận/phân công tại khoản 3 Điều này.
- Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề cần đưa ra tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông để xem xét và quyết định như sau:
 - Điều lệ và nội dung sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - Tăng, giảm vốn điều lệ; chiến lược huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - Quyết định đổi tên Công ty; bổ sung, thay đổi ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của Công ty;

- Định hướng phát triển của Công ty;
- Báo cáo của Hội đồng quản trị đánh giá thực trạng công tác quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và các vấn đề khác theo quy định tại Điều lệ công ty;
- Chia cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời;
- Bầu các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát nếu hết nhiệm kỳ hoặc bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát; miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Ấn định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác của các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- Việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty;
- Việc khen thưởng, kỷ luật các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- Sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị; Quy chế nội bộ về quản trị công ty;
- Quyết định mua lại số cổ phần đã bán của Công ty đối với các trường hợp mua lại cổ phần thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các quyết định đầu tư, dự án đầu tư hoặc bán tài sản thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp.

b. Giám đốc Công ty:

- **Giám đốc Công ty chuẩn bị các vấn đề trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định như sau:**
 - Phương án thành lập, tách, nhập, giải thể các phòng, ban, đội; mở công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện Công ty và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các doanh nghiệp này;
 - Cơ cấu tổ chức, biên chế bộ máy quản lý điều hành Công ty; các quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty; chiến lược và kế hoạch phát triển trung hạn;
 - Báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty hàng quý, 6 tháng, năm và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của Công ty;
 - Bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức các chức danh điều hành trong Công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm và giám sát (các Phó Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty và những Người điều hành khác);

- Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty và các vấn đề liên quan (trong trường hợp giá trị hợp đồng thuộc thẩm quyền chấp thuận của Hội đồng quản trị);
 - Các giao dịch quy định tại khoản 5 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Các giao dịch, hợp đồng có giá trị thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị; Các quyết định đầu tư, dự án đầu tư và bán tài sản; các phương án xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản cố định, mua sắm vật tư thiết bị; các phương án vay vốn và huy động vốn;
 - Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - Các phương án xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - Sửa đổi, bổ sung các vấn đề phân cấp thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp.
- Giám đốc Công ty chuẩn bị các vấn đề đưa ra cuộc họp Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông như sau:**
- Định hướng phát triển của Công ty;
 - Báo cáo tài chính hàng năm; phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ;
 - Hợp đồng mua bán si nước sạch với Tổng Công ty và các vấn đề liên quan (trong trường hợp giá trị hợp đồng thuộc thẩm quyền chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông);
 - Các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Luật Doanh nghiệp.

Điều 26. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.
2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 27. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành bao gồm 07 chương, 27 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

PHẠM THỊ THANH VÂN

Số: 38 /TT-CNBT-BKS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 3 năm 2022

TỜ TRÌNH**Về việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty (sửa đổi, bổ sung)**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát hiện hành của Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành được Đại hội cổ đông thông qua ngày 23/4/2021, trên cơ sở tuân thủ quy định tại điểm 1 khoản 2 Luật Doanh nghiệp năm 2020 “Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ phê duyệt quy chế hoạt động của Ban kiểm soát”; quy định tại khoản 6 Điều 288 Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán “Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua,”.

Đồng thời để thực hiện các quy định về quản trị đối với các công ty đại chúng như Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021; Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14, có hiệu lực ngày 01/01/2021; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực ngày 01/01/2021; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, có hiệu lực ngày 15/02/2021.

Tại kỳ Đại hội cổ đông thường niên năm 2021, Đại hội đồng cổ đông thống nhất thông qua việc ghi nhận Công ty triển khai thực hiện đồng bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động, Quy chế quản trị, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của BKS và Quy chế công bố thông tin của Công ty theo quy định hiện hành trong thời gian chờ xây dựng các nội dung sửa đổi, bổ sung để sớm trình tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2022.

Do vậy, nhằm đảm bảo tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước, đảm bảo đồng bộ Điều lệ tổ chức và hoạt động, các quy chế quản trị của Công ty theo các quy định hiện hành, trên cơ sở tham chiếu mẫu Quy chế về hoạt động của Ban Kiểm soát áp dụng cho doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính quy định, Ban kiểm soát Công ty đã thống nhất xây dựng dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (sửa đổi, bổ sung) bao gồm 7 Chương, 22 Điều tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp 2020, phù hợp với Điều lệ của Công ty và các văn bản hướng dẫn hiện hành có liên quan. Quá trình soạn thảo dự thảo nội dung nói trên cũng được Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á thực hiện dịch vụ tư vấn nhằm đảm bảo việc sửa đổi, bổ sung các nội dung trên tuân thủ theo đúng các quy định của Nhà nước.

Qua nội dung trình bày nêu trên, Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua việc ban hành Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát (sửa đổi, bổ sung).

Kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, chấp thuận để Ban Kiểm soát Công ty triển khai thực hiện.

Trân trọng kính trình.

Hồ sơ đính kèm: Toàn văn dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Bến Thành (sửa đổi, bổ sung).

Nơi nhận :

- Như trên,
- Thành viên HĐQT Công ty;
- Ban Giám đốc Công ty;
- Kế toán trưởng Công ty;
- Thành viên BKS Công ty;
- Lưu: VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Thị Thu Hương

MỤC LỤC

Chương I:	3
QUY ĐỊNH CHUNG	3
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	3
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	3
Chương II:	3
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)	3
Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát.....	3
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 6. Trường Ban kiểm soát.....	5
Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	5
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát	6
Chương III:	6
BAN KIỂM SOÁT	6
Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	6
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	8
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.....	9
Chương IV:	9
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT	9
Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	9
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	9
Chương V:	10
BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH	10
Điều 16. Trình báo cáo hằng năm	10
Điều 17. Tiên lương và quyền lợi khác	10
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	11
Chương VI:	11
MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	11
Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát.....	11
Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành.....	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	11

Chương VII:	12
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	12
Điều 22. Hiệu lực thi hành	12

Căn cứ:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 ("Luật Chứng khoán").
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 ("Luật Doanh nghiệp").
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("NĐ 155/2020/NĐ-CP").
- Thông số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều Về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán ("TT 116/2020/TT-BTC").
- Điều lệ tổ chức và hoạt động Công Ty Cổ Phần Cấp nước Bến Thành thông qua ngày tháng năm 2022
- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày tháng năm 2022

Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành.

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cũng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

CHƯƠNG II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT (KIỂM SOÁT VIÊN)

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 đến 05 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
2. Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
3. Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;
4. Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
5. Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
6. Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 (ba) năm liền trước đó;
7. Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại công ty.
8. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 6. Trường Ban kiểm soát

1. Trường Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.
2. Trường Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trường Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 3% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:
 - a. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Số lượng ứng cử viên mà cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty.
2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty. Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.
3. Trong trường hợp số ứng cử viên bằng đúng số thành viên Ban kiểm soát cần bầu, Đại hội đồng cổ đông có thể thực hiện bầu bổ sung theo phương thức biểu quyết bằng Phiếu biểu quyết thay cho Phiếu bầu. Việc này sẽ được tiến hành trong trường hợp Đại hội đồng cổ đông đồng ý phương thức như trên.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - c. Trường hợp khác do Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định.
2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - d. Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ chuyên môn;
 - c. Quá trình công tác;
 - d. Các chức danh quản lý khác;
 - e. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - f. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

CHƯƠNG III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 (sáu) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.
5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty.
6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.
8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.
10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.
11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.
13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.
14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường hợp Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa, Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
26. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
27. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.
28. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

- c. Báo cáo của Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
- 2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
- 3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

- 1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 12 Điều lệ Công ty;
 - c. Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và quy chế khác của Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- 2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
- 3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

**CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT**

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

- 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
- 2. Ban kiểm soát có thể họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác. Thông thường Ban kiểm soát sẽ họp bằng cách gặp mặt trực tiếp, trường hợp không sắp xếp được thời gian, các thành viên có thể trao đổi qua email và thống nhất ký biên bản họp sau đó.
- 3. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

CHƯƠNG V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hằng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người điều hành khác của Công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập, các chi phí khác theo quy định tại Điều lệ công ty với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định

khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

CHƯƠNG VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chỉ phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

CHƯƠNG VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Bến Thành bao gồm 07 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 21 tháng 4 năm 2022.
2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty. Những nội dung không nêu trong Quy chế này thì áp dụng theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp luật có liên quan.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

Nguyễn Thị Thu Hương